

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 833 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương; phân bổ vốn từ nguồn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi ngân sách trung ương năm 2021 còn dư sau khi thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 06 năm 2019 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 72/2020/QH14 và Luật số 03/2022/QH15;

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội: số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; số 69/2022/QH15 ngày 11 tháng 11 năm 2022 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; số 110/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 về Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị quyết số 521/NQ-UBTVQH15 ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2021; phân bổ, sử dụng nguồn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi và kinh phí còn lại của ngân sách trung ương năm 2021; Nghị quyết số 1117/NQ-UBTVQH ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương; phân bổ vốn từ nguồn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi ngân sách trung ương năm 2021 còn dư sau khi thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Thông báo số 4080/TB-TTKQH ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Tổng Thư ký Quốc hội;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 517/TTr-BKHĐT ngày 30 tháng 7 năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025.

1. Điều chỉnh giảm 3.096,187 tỷ đồng kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn nước ngoài nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 đã phân bổ cho Bộ Khoa học công nghệ để điều chỉnh tăng tương ứng kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho Bộ Ngoại giao 117,627 tỷ đồng và các địa phương: Yên Bái 7,253 tỷ đồng, Bắc Kạn 22,147 tỷ đồng, Phú Thọ 48,898 tỷ đồng, Hải Dương 75,584 tỷ đồng, Nghệ An 589,298 tỷ đồng, Hà Tĩnh 162,4 tỷ đồng, Quảng Trị 205,776 tỷ đồng, Ninh Thuận 62,1 tỷ đồng, Thành phố Hồ Chí Minh 1.503,314 tỷ đồng và Hậu Giang 301,79 tỷ đồng tại Phụ lục I.A, Phụ lục I.B kèm theo.

2. Điều chỉnh giảm 6.038,954 tỷ đồng kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 của các nhiệm vụ, dự án đã được giao kế hoạch đầu tư công trung hạn để điều chỉnh tăng tương ứng kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các nhiệm vụ, dự án trong nội bộ của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tại Phụ lục II.A, Phụ lục II.B kèm theo.

Điều 2. Giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

1. Giao 2.920,7 tỷ đồng từ nguồn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi ngân sách trung ương năm 2021 còn dư sau khi thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội cho Bộ Y tế 2.420,7 tỷ đồng, Đại học Quốc gia Hà Nội 500 tỷ đồng theo tổng mức và cơ cấu ngành, lĩnh vực quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội tại Phụ lục III.A kèm theo.

2. Giao danh mục và mức vốn ngân sách trung ương bố trí kế hoạch vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội cho từng dự án đã đủ thủ tục đầu tư theo quy định, đủ điều kiện giao kế hoạch vốn của Chương trình tại Phụ lục III.B kèm theo.

Điều 3. Triển khai thực hiện:

1. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương căn cứ kế hoạch đầu tư vốn

ngân sách trung ương của Chương trình và kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 được giao, bổ sung, điều chỉnh tại Điều 1, Điều 2 Quyết định này:

a) Thông báo hoặc quyết định giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương của Chương trình, kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 của các nhiệm vụ, dự án cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc, bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công, các Nghị quyết của Quốc hội, đúng mục đích, hiệu quả.

b) Chi đạo đơn vị trực thuộc khẩn trương hoàn thiện thủ tục phê duyệt quyết định đầu tư theo quy định của Luật đầu tư công và pháp luật có liên quan.

c) Có trách nhiệm hoàn thành các dự án điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025, bảo đảm đúng thời gian theo quy định của Luật Đầu tư công; không đề xuất cấp có thẩm quyền bổ sung thêm vốn ngân sách trung ương cho các dự án đã điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

d) Thực hiện điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 giữa các nhiệm vụ, dự án trong nội bộ của bộ, cơ quan trung ương và địa phương, bảo đảm quản lý và sử dụng vốn hiệu quả.

đ) Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương của Chương trình, kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định của Luật đầu tư công, các Nghị quyết của Quốc hội và quy định có liên quan.

e) Báo cáo việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương của Chương trình, giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 01 tháng 9 năm 2024.

g) Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan liên quan về tính chính xác của các nội dung, số liệu báo cáo, danh mục dự án và mức vốn bố trí cho từng dự án bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

2. Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao về quản lý nhà nước đối với đầu tư công chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan liên quan về tính chính xác của các nội dung, số liệu báo cáo, bảo đảm đúng quy định của pháp luật; theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Thủ tướng, các PTTgCP;
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- HĐND, UBND các tỉnh nêu tại Điều 5;
- Đoàn ĐBQH các tỉnh nêu tại Điều 5;
- Văn phòng Quốc hội;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Kiểm toán Nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, TKBT, NN, CN, QHQT, QHĐP;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b) ⁷⁸

**KI. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trần Lưu Quang

Trần Lưu Quang

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	117.627
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	117.627



Bộ Ngoại giao

Phụ lục I.B

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	117.627
	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	117.627



Bộ Khoa học và Công nghệ

Phụ lục I.A

**ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN
2021-2025**

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	3.096.187
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3.096.187



Bộ Khoa học và Công nghệ

Phụ lục I.B

**ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN
2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	3.096.187
	Khoa học, công nghệ	3.096.187



Phụ lục II.B

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG)
(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Bộ Khoa học và Công nghệ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung			Chú thích			
							TMDT						Tổng số	Trong đó:		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án		Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn nước ngoài nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 từ nguồn điều chỉnh giữa các bộ, cơ quan trung ương, địa phương	Tổng số	Trong đó:								
							Trong đó: vốn NSTW							Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cán đối NSTW				Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn đối ứng nguồn NSTW						
							Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cán đối NSTW	Điều chỉnh tăng		Điều chỉnh giảm			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cán đối NSTW	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm						
							Tổng số	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt				Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng						Điều chỉnh giảm					
Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	Đưa vào	Vay lại	Tổng số		Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Tổng số		Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW																	
	Tổng số						7.996.000	602.000	602.000			7.394.000	7.394.000		6.217.845	380.000		5.837.845				3.096.187			3.121.658	380.000		2.741.658
	Bộ Khoa học và Công nghệ						7.996.000	602.000	602.000			7.394.000	7.394.000		6.217.845	380.000		5.837.845				3.096.187			3.121.658	380.000		2.741.658
a	Khoa học, công nghệ						7.996.000	602.000	602.000			7.394.000	7.394.000		6.217.845	380.000		5.837.845				3.096.187			3.121.658	380.000		2.741.658
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						7.996.000	602.000	602.000			7.394.000	7.394.000		6.217.845	380.000		5.837.845				3.096.187			3.121.658	380.000		2.741.658
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						7.996.000	602.000	602.000			7.394.000	7.394.000		6.217.845	380.000		5.837.845				3.096.187			3.121.658	380.000		2.741.658
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025						7.996.000	602.000	602.000			7.394.000	7.394.000		6.217.845	380.000		5.837.845				3.096.187			3.121.658	380.000		2.741.658
(1)	Trung tâm Nghiên cứu khoa học công nghệ hạt nhân	3385	RUS			Quyết định số 75/QĐ-TTg ngày 19/11/2018, Quyết định 36/QĐ-TTg ngày 15/5/2020	7.996.000	602.000	602.000			7.394.000	7.394.000		6.217.845	380.000		5.837.845				3.096.187			3.121.658	380.000		2.741.658



Phụ lục II.A
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số		Trong đó	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW			Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB
	Tổng số			536.271	512.405	251.099			203.660	203.660		251.099			
	Bộ Công thương			536.271	512.405	251.099			203.660	203.660		251.099			
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			69.551	48.685	21.239				1.800		23.039			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			69.551	48.685	21.239				1.800		23.039			
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			69.551	48.685	21.239				1.800		23.039			
-	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025			69.551	48.685	21.239				1.800		23.039			
(1)	Xây dựng Nhà học lý thuyết và Thư viện của Trường Cao đẳng Công nghiệp Hưng Yên	35323	1132/QĐ-BCT 02/4/2021 2586/QĐ-BCT 15/11/2021	69.551	48.685	21.239				1.800		23.039			
II	Khoa học, công nghệ			45.500	42.500	28.000			1.800			26.200			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			45.500	42.500	28.000			1.800			26.200			
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			45.500	42.500	28.000			1.800			26.200			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020			45.500	42.500	28.000			1.800			26.200			
(1)	Đầu tư xây dựng Phòng thí nghiệm phân tích và chế biến khoáng sản khu vực miền núi phía Bắc của Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì	12431	777/QĐ-BCT, 09/3/2017	45.500	42.500	28.000			1.800			26.200			

STT	Dan mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
III	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội			421.220	421.220	201.860			201.860	201.860		201.860			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			421.220	421.220	201.860			201.860	201.860		201.860			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			421.220	421.220	201.860			201.860	201.860		201.860			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			421.070	421.070	201.710			201.710	201.860		201.860			
(1)	Dự án đầu tư xây dựng trụ sở cấp Cục và cấp Đội của lực lượng quản lý thị trường giai đoạn 2023 - 2025	56357	2476/QĐ-BCT 21/9/2023	201.860	201.860					201.860		201.860			
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			150	150	150			150						
(1)	Đầu tư Trụ sở Cục và cấp Đội của Cục Quản lý thị trường tỉnh Kon Tum	35300		50	50	50			50						
(2)	Đầu tư Trụ sở Cục và Đội Quản lý thị trường của Cục Quản lý thị trường tỉnh Tiền Giang	35313		50	50	50			50						
(3)	Đầu tư Trụ sở Cục Quản lý thị trường tỉnh Lào Cai	35320		50	50	50			50						
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			421.070	421.070	201.710			201.710						
(1)	Đầu tư Trụ sở Tổng cục Quản lý thị trường	34618	1768/QĐ-BCT 15/7/2021	219.210	219.210	201.710			201.710						



Phụ lục II.A
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
	Tổng số			1.743.047	1.682.920	1.277.747			163.771	135.294		1.249.270			
	Bộ Tài nguyên và Môi trường			1.743.047	1.682.920	1.277.747			163.771	135.294		1.249.270			
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			495.421	435.294	104.500				135.294		239.794			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			495.421	435.294	104.500				135.294		239.794			
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			495.421	435.294	104.500				135.294		239.794			
-	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025			495.421	435.294	104.500				135.294		239.794			
(1)	Xây dựng cơ sở vật chất Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh (giai đoạn1)	6979	2227/QĐ-BTNMT ngày 07/8/2023	495.421	435.294	104.500				135.294		239.794			
II	Môi trường			634.389	634.389	558.689			46.468			512.221			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			634.389	634.389	558.689			46.468			512.221			
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			634.389	634.389	558.689			46.468			512.221			
-	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025			634.389	634.389	558.689			46.468			512.221			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
(1)	Dự án Xây dựng hệ thống quan trắc và cảnh báo môi trường biển 04 tỉnh Miền Trung - Hợp phần 5: Giám sát, cảnh báo môi trường tại ven biển 04 tỉnh miền Trung thông qua hệ thống trạm quan trắc tự động, công nghệ viễn thám và kết hợp chương trình quan trắc định kỳ	14398	2678/QĐ-BTNMT 30/10/2017	120.000	120.000	46.300			3.498			42.802			
(2)	Dự án "Đầu tư xây dựng mạng lưới quan trắc môi trường không khí (giai đoạn I)"	22822	2963/QĐ-BTNMT ngày 28/12/2020	514.389	514.389	512.389			42.970			469.419			
III	Tài nguyên			602.508	602.508	604.329			115.503			488.826			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			602.508	602.508	604.329			115.503			488.826			
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			432.279	432.279	422.129			100.800			321.329			
-	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025			432.279	432.279	422.129			100.800			321.329			
(1)	Dự án "Đầu tư hạ tầng xây dựng cơ-sở dữ liệu nền địa lý quốc gia phục vụ xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia và Chính phủ điện tử"	22823	887/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2022	398.000	398.000	388.000			94.000			294.000			
(2)	Dự án "Xây mới 66 điểm quan trắc tài nguyên nước dưới đất thuộc khu vực duyên hải Nam Trung Bộ"	31931	3012/QĐ-BTNMT ngày 29/12/2020	34.279	34.279	34.129			6.800			27.329			
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			170.229	170.229	182.200			14.703			167.497			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			170.229	170.229	182.200			14.703			167.497			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
(1)	Xây dựng nhà điều hành quan trắc, dự báo, cảnh báo thiên tai và giám sát biến đổi khí hậu khu vực Việt Bắc	31889	2054/QĐ-BTNMT ngày 26/10/2021	57.435	57.435	59.500			2.565			56.935			
(2)	Xây dựng Trung tâm điều hành KTTV khu vực Tây Nguyên phục vụ dự báo cảnh báo thiên tai	31892	2053/QĐ-BTNMT ngày 26/10/2021	57.962	57.962	58.000			538			57.462			
(3)	Đầu tư cấp bách trạm Khí tượng Hải văn Bạch Long Vỹ thuộc Đài KTTV khu vực Đông Bắc	31898	666/QĐ-TCKTTV ngày 25/12/2020	16.200	16.200	15.900			1.400			14.500			
(4)	Đầu tư tăng cường cơ sở vật chất các trung tâm điều hành và các trạm KTTV khu vực Trung Trung Bộ	31903	423/QĐ-TCKTTV ngày 26/12/2022	38.632	38.632	48.800			10.200			38.600			
IV	Quy hoạch			10.729	10.729	10.229			1.800			8.429			
(1)	Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	16849	2183/QĐ-TTg ngày 21/12/2020; 1191/QĐ-BTNMT ngày 15/6/2021	10.729	10.729	10.229			1.800			8.429			



PHỤ LỤC II.B
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CẢN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG)
(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết Hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú						
							TMDT						Tổng số	Trong đó:		Vốn đối ứng	Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án		Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn nước ngoài nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 từ nguồn điều chỉnh giữa các bộ, cơ quan trung ương, địa phương	Tổng số	Trong đó:							
							Trong đó: vốn NSTW							Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW				Tổng số		Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW			
							Tổng số	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt				Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng						Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW
								NSTW	NSDP		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW										
	Tổng số						2.435.132	334.054	334.054			2.101.078	2.101.078	968.504	98.345		870.159	3.083	31.560		80.000	80.000		996.981	126.822		870.159	
	Bộ Tài nguyên và Môi trường						2.435.132	334.054	334.054			2.101.078	2.101.078	968.504	98.345		870.159	3.083	31.560		80.000	80.000		996.981	126.822		870.159	
	Môi trường						2.435.132	334.054	334.054			2.101.078	2.101.078	968.504	98.345		870.159	3.083	31.560		80.000	80.000		996.981	126.822		870.159	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						2.435.132	334.054	334.054			2.101.078	2.101.078	968.504	98.345		870.159	3.083	31.560		80.000	80.000		996.981	126.822		870.159	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						1.613.249	222.603	222.603			1.390.646	1.390.646	840.835	56.563		784.272	1.301	16.729		77.113				779.150	71.991		707.159
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025						1.613.249	222.603	222.603			1.390.646	1.390.646	840.835	56.563		784.272	1.301	16.729		77.113				779.150	71.991		707.159
(1)	Tiểu Dự án 1: "Đầu tư nâng cấp và hoàn thiện hệ thống quan trắc, giám sát tài nguyên nước mặt tại Đồng bằng sông Cửu Long"	1868	WB			129/QĐ-BTNMT ngày 25/01/2021; 411/QĐ-BTNMT ngày 09/3/2021	204.336	25.255	25.255			179.081	179.081	175.138	4.840		170.298				3.068				172.070	4.840		167.230
(2)	Tiểu Dự án 2: "Nâng cấp xây dựng mạng quan trắc nước dưới đất Đồng bằng sông Cửu Long trong điều kiện biến đổi khí hậu"	1869	WB			2229/QĐ-BTNMT ngày 16/11/2021	220.592	35.157	35.157			185.435	185.435	128.720	7.886		120.834	750			46.433				81.537	7.136		74.401
(3)	Tiểu Dự án 3: "Xây dựng Hệ thống giám sát biến động bờ sông, bờ biển khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long bằng Công nghệ viễn thám"	1870	WB			2488/QĐ-BTNMT ngày 28/10/2016; 411/QĐ-BTNMT ngày 09/3/2021	275.929	24.519	24.519			251.410	251.410	182.214	6.792		175.422	550							181.664	6.242		175.422
(4)	Dự án "Xây dựng Trạm dò tìm, tiếp nhận dữ liệu và Trung tâm xử lý dữ liệu ảnh vệ tinh"	2850	IND			2672/QĐ-BTNMT ngày 30/10/2017	574.696	93.626	93.626			481.070	481.070	28.127	28.127				1						28.126	28.126		

ST T	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết Hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư										Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung				Ghi chú			
						TMBT										Trong đó:			Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án				Trong đó:							
						Trong đó: vốn NSTW										Vốn đối ứng			Vốn đối ứng nguồn NSTW				Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW							
						Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		Điều chỉnh tăng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		Tổng số			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		
										Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ		Tổng số		Trong đó:		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Tổng số		Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng		Tổng số		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		
(5)	Tiểu Dự án 4: "Đầu tư trung tâm dữ liệu vùng Đồng bằng Sông Cửu Long tích hợp dữ liệu tài nguyên và môi trường của khu vực phục vụ phân tích, đánh giá hỗ trợ ra quyết định về phát triển bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu"	1871	WB			2619/QĐ-BTNMT ngày 11/9/2023	337.696	44.046	44.046			293.650	293.650		326.636	8.918		317.718			16.729		27.612			315.753	25.647		-290.106	
-	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						821.883	111.451	111.451			710.432	710.432		127.669	41.782		85.887			1.782	14.831		2.887	80.000		217.831	54.831		163.000
	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025						821.883	111.451	111.451			710.432	710.432		127.669	41.782		85.887			1.782	14.831		2.887	80.000		217.831	54.831		163.000
(1)	Xây dựng hệ thống quan trắc giám sát việc vận hành của các hồ chứa thủy điện và hệ thống hỗ trợ ra quyết định vận hành hồ chứa thủy điện trên lưu vực sông Hồng - Thái Bình (ODA Italy)	3823	ITALIA			2770/QĐ-BTNMT ngày 21/10/2022	125.193	41.782	41.782			83.411	83.411		127.669	41.782		85.887			1.782			2.887			123.000	40.000		83.000
(2)	Quản lý tổng hợp rủi ro lũ lụt thích ứng biến đổi khí hậu - Thành phần Bộ Tài nguyên và Môi trường (vốn vay ADB)	3825	ADB, KfW, EIB			2682/QĐ-BTNMT ngày 18/9/2023	696.690	69.669	69.669			627.021	627.021									14.831		80.000			94.831	14.831		80.000



Phụ lục II.A
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
	Tổng số			417.064	417.064	191.376			11.500	11.500		191.376			
	Kiểm toán Nhà nước			417.064	417.064	191.376			11.500	11.500		191.376			
I	Công nghệ thông tin			297.702	297.702	168.932			11.500			157.432			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			297.702	297.702	168.932			11.500			157.432			
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			297.702	297.702	168.932			11.500			157.432			
-	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025			297.702	297.702	168.932			11.500			157.432			
(1)	Nền tảng tích hợp, kết nối liên thông dữ liệu của Kiểm toán nhà nước với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đơn vị được kiểm toán	17051	325/QĐ-KTNN, 17/3/2020	297.702	297.702	168.932			11.500			157.432			
II	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội			119.362	119.362	22.444				11.500		33.944			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			119.362	119.362	22.444				11.500		33.944			
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			119.362	119.362	22.444				11.500		33.944			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	
-	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025</i>			119.362	119.362	22.444				11.500		33.944			
(1)	Trụ sở KTNN khu vực XIII	8291	1777/QĐ-KTNN, 21/12/2020	119.362	119.362	22.444				11.500		33.944			



Phụ lục II.A
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số		Trong đó	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW			Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB
	Tổng số			7.167.190	7.157.190	215.469		45.211	45.211		215.469				
	Bộ Xây dựng			7.167.190	7.157.190	215.469		45.211	45.211		215.469				
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			75.000	75.000	29.789			45.211		75.000				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			75.000	75.000	29.789			45.211		75.000				
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			75.000	75.000	29.789			45.211		75.000				
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			75.000	75.000	29.789			45.211		75.000				
(1)	Đầu tư xây dựng ký túc xá cho học sinh sinh viên, hạ tầng kỹ thuật và cảnh quan - Trường CĐ nghề Việt xô số 1	29783	472/QĐ-BXD, 28/4/2021	75.000	75.000	29.789			45.211		75.000			Dự án đã được điều chỉnh giảm 2,16 tỷ đồng tại Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 16/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ	
II	Khoa học, công nghệ			40.000	30.000	30.000		29.500			500				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			40.000	30.000	30.000		29.500			500				
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			40.000	30.000	30.000		29.500			500				
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			40.000	30.000	30.000		29.500			500				
(1)	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở thực nghiệm nghiên cứu khoa học công nghệ của Viện vật liệu xây dựng tại Hà Nam	29868	453/QĐ-BXD, 27/4/2021	40.000	30.000	30.000		29.500			500				
III	Quy hoạch			55.590	55.590	42.780		10.111			32.669				

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
(1)	Quy hoạch xây dựng trụ sở làm việc của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan Trung ương của các đoàn thể tại Thủ đô Hà Nội đến năm 2030	32059	66/QĐ-BQLDA/BBN ngày 29/4/2021	17.840	17.840	12.840			1.701			11.139			
(2)	Dự án Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn	17492	36/QĐ-BXD ngày 11/3/2021	37.750	37.750	29.940			8.410			21.530			
IV	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội (không bao gồm dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).			6.996.600	6.996.600	112.900			5.600			107.300			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			6.996.600	6.996.600	112.900			5.600			107.300			
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			6.996.600	6.996.600	112.900			5.600			107.300			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020			6.996.600	6.996.600	112.900			5.600			107.300			
(1)	Dự án ĐTXD công trình Nhà Quốc hội	3537	361/QĐ-BXD, 31/3/2015	6.996.600	6.996.600	112.900			5.600			107.300			



Phụ lục II.A
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số		Trong đó	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW			Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB
	Tổng số			214.900	214.900	147.450			49.450	49.450		147.450			
	Thông tấn xã Việt Nam			214.900	214.900	147.450			49.450	49.450		147.450			
I	Thông tin			44.850	44.850	28.800				10.750		39.550			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			44.850	44.850	28.800				10.750		39.550			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			44.850	44.850	28.800				10.750		39.550			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			44.850	44.850	28.800				10.750		39.550			
(1)	Bổ sung trang thiết bị, phương tiện hệ thống an toàn thông tin của TTXVN	31753	Số 126/QĐ-TTX ngày 28/12/2022	44.850	44.850	28.800				10.750		39.550			
II	Phát thanh, truyền hình, thông tấn			120.600	120.600	69.200				38.700		107.900			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			120.600	120.600	69.200				38.700		107.900			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			120.600	120.600	69.200				38.700		107.900			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			43.600	43.600	28.150				11.850		40.000			
(1)	Xây dựng hệ thống kỹ thuật Trung tâm dữ liệu và Trung tâm điều hành thông tin của TTXVN	31720	Số 125/QĐ-TTX ngày 28/12/2022	43.600	43.600	28.150				11.850		40.000			
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			77.000	77.000	41.050				26.850		67.900			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	
(1)	Đầu tư giai đoạn 2 Studio đa năng và tích hợp các Studio sản xuất phát sóng trực tiếp	31729	Số 127/QĐ-TTX ngày 28/12/2022	77.000	77.000	41.050				26.850		67.900			
III	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội			49.450	49.450	49.450			49.450						
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			49.450	49.450	49.450			49.450						
(1)	Cải tạo, sửa chữa trụ sở CQTT TTXVN tại Roma	31764	Số 40/QĐ-TTX ngày 10/5/2021	10.750	10.750	10.750			10.750						
(2)	Mua nhà làm trụ sở CQTT TTXVN tại Campuchia	30142	Số 33/QĐ-TTX ngày 5/5/2021	38.700	38.700	38.700			38.700						



Phụ lục II.A
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
	Tổng số			655.000	655.000	551.600			55.000	55.000		551.600			
	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội			655.000	655.000	551.600			55.000	55.000		551.600			
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			80.000	80.000	40.300				39.700		80.000			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			80.000	80.000	40.300				39.700		80.000			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			80.000	80.000	40.300				39.700		80.000			
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			80.000	80.000	40.300				39.700		80.000			
(1)	Cải tạo nâng cấp Trường Đại học sư phạm kỹ thuật Nam Định	36839	735, 29/6/2021	80.000	80.000	40.300				39.700		80.000			
II	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội			485.000	485.000	461.000			55.000			406.000			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			485.000	485.000	461.000			55.000			406.000			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			485.000	485.000	461.000			55.000			406.000			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			485.000	485.000	461.000			55.000			406.000			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	
(1)	Trụ sở Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	17006	1623/QĐ-LĐTĐBXH ngày 31/10/2019	485.000	485.000	461.000			55.000			406.000			
III	Xã hội			90.000	90.000	50.300				15.300		65.600			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			90.000	90.000	50.300				15.300		65.600			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			90.000	90.000	50.300				15.300		65.600			
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			90.000	90.000	50.300				15.300		65.600			
(1)	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Long An	26304	651, 9/6/2021	90.000	90.000	50.300				15.300		65.600			



Phụ lục II.A
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
	Tổng số			23.107	23.107	23.107			2.611	2.611		23.107			
	Thanh tra Chính phủ			23.107	23.107	23.107			2.611	2.611		23.107			
I	Công nghệ thông tin			23.107	23.107	23.107			2.611	2.611		23.107			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			23.107	23.107	23.107			2.611	2.611		23.107			
a	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư									2.611		2.611			
(1)	Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập	56510								2.611		2.611			
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			23.107	23.107	23.107			2.611			20.496			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			23.107	23.107	23.107			2.611			20.496			
(1)	Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập	31399	395/QĐ-TTTP ngày 15/7/2021	23.107	23.107	23.107			2.611			20.496			



Phụ lục II.A
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
	Tổng số			558.302	242.302	83.848			21.000	21.000		83.848			
	Viện kiểm sát nhân dân tối cao			558.302	242.302	83.848			21.000	21.000		83.848			
I	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội			280.000	28.000		-			5.000		5.000			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			280.000	28.000					5.000		5.000			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			280.000	28.000					5.000		5.000			
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			280.000	28.000					5.000		5.000			
(1)	VKSND tỉnh Quảng Ninh	56482	138,16/11/2023	280.000	28.000					5.000		5.000			
II	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội			278.302	214.302	83.848			21.000	16.000		78.848			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			278.302	214.302	83.848			21.000	16.000		78.848			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			150.000	94.500					16.000		16.000			
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			150.000	94.500					16.000		16.000			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	
(1)	VKSND huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	56477	135,16/11/2023	25.000	25.000					5.000		5.000			
(2)	VKSND thị xã Đông Triều	56478	104,01/11/2023	35.000	3.500					1.000		1.000			
(3)	VKSND tỉnh Nam Định	56479	122,10/11/2023	90.000	66.000					10.000		10.000			
(4)	Viện KSND tỉnh Bắc Giang	3675	825, 29/10/2015	77.049	68.549	43.227			16.000			27.227			
(5)	Viện KSND tỉnh Ninh Thuận	3762	917,31/10/2017	51.253	51.253	40.621			5.000			35.621			



Phụ lục II.A
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
	Tổng số			619.700	619.700	253.138			55.700	55.700		253.138			
	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam			619.700	619.700	253.138			55.700	55.700		253.138			
I	Khoa học, công nghệ			619.700	619.700	253.138			55.700	55.700		253.138			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			619.700	619.700	253.138			55.700	55.700		253.138			
a	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư			200.000	200.000					1.000		1.000			
(1)	Dự án Cơ sở nghiên cứu khởi các viện nghiên cứu nhân văn	56448	1133/QĐ-KHXXH ngày 17/8/2023	200.000	200.000					1.000		1.000			
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			119.700	119.700	64.700			54.700	54.700		64.700			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			119.700	119.700	64.700			54.700	54.700		64.700			
(1)	Dự án Cải tạo và bảo tồn Viện Văn học 20 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	56446	1131/QĐ-KHXXH ngày 17/8/2023	27.600	27.600					27.600		27.600			
(2)	Dự án Nâng cấp kho sách Viện nghiên cứu Hán Nôm	56447	1132/QĐ-KHXXH ngày 17/8/2023	27.100	27.100					27.100		27.100			
c	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			300.000	300.000	188.438			1.000			187.438			
-	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025			300.000	300.000	188.438			1.000			187.438			
(1)	Dự án Cơ sở nghiên cứu khởi các viện nghiên cứu Xã hội và Nhân văn	31292	1808/QĐ-KHXXH ngày 29/12/2023	300.000	300.000	188.438			1.000			187.438			
d	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			119.700	119.700	64.700			54.700	54.700		64.700			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			119.700	119.700	64.700			54.700	54.700			64.700		
(1)	Dự án Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên giai đoạn II	31334	1543/QĐ-KHXH ngày 14/11/2023	65.000	65.000	64.700			54.700				10.000		



Phụ lục II.A
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
	Tổng số			8.000.000	8.000.000	4.323.000			1.218.000	1.218.000		4.323.000			
	Ngân hàng Chính sách xã hội			8.000.000	8.000.000	4.323.000			1.218.000	1.218.000		4.323.000			
I	Cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý			7.000.000	7.000.000	3.323.000			1.218.000			2.105.000			
(1)	Cấp vốn cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý	31527		7.000.000	7.000.000	3.323.000			1.218.000			2.105.000			
II	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật			1.000.000	1.000.000	1.000.000				1.218.000		2.218.000			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			1.000.000	1.000.000	1.000.000				1.218.000		2.218.000			
(1)	Cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP	31528		1.000.000	1.000.000	1.000.000				1.218.000		2.218.000			



Phụ lục II.A
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số		Trong đó	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW			Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB
	Tổng số		4.278.868	3.820.701	2.054.589			387.763	387.763		2.054.589				
	Bộ Tài chính		4.278.868	3.820.701	2.054.589			387.763	387.763		2.054.589				
I	Kho tàng		39.337	38.337	33.250					5.087		38.337			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C		39.337	38.337	33.250					5.087		38.337			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		39.337	38.337	33.250					5.087		38.337			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025		39.337	38.337	33.250					5.087		38.337			
(1)	Kho dự trữ Lai Châu	17388	183/QĐ-BTC ngày 26/01/2024	39.337	38.337	33.250				5.087		38.337			
II	Công nghệ thông tin			1.520.347	1.520.347	1.549.700			290.810			1.258.890			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			1.520.347	1.520.347	1.549.700			290.810			1.258.890			
(1)	Nâng cấp, triển khai hoàn thiện hạ tầng máy chủ, mạng tại Trung tâm dữ liệu chính (DC), Trung tâm dữ liệu dự phòng (DRC) của Tổng cục Thuế	37165	2722/QĐ-BTC ngày 21/12/2022	115.400	115.400	115.400			5.572			109.828			
(2)	Triển khai hạ tầng thiết bị CNTT đáp ứng yêu cầu mở rộng hệ thống Dịch vụ thuế điện tử giai đoạn 2021-2023	37167	2721/QĐ-BTC ngày 21/12/2022 87/QĐ-BTC ngày 16/01/2024	74.004	74.004	75.000			2.935			72.065			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	
(3)	Triển khai nâng cấp, mở rộng hạ tầng kỹ thuật hệ thống An toàn thông tin Tổng cục Thuế 2021-2024	37168	2720/QĐ-BTC ngày 21/12/2022	81.867	81.867	85.500			8.373			77.127			
(4)	Xây dựng và triển khai hệ thống ứng dụng phân tích dữ liệu và quản lý rủi ro	37170	1335/QĐ-BTC ngày 14/7/2021	172.000	172.000	172.000			10.700			161.300			
(5)	Xây dựng, triển khai hệ thống hóa đơn điện tử	37163	2467/QĐ-BTC ngày 22/12/2021	491.500	491.500	500.000			58.806			441.194			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			585.576	585.576	601.800			204.424			397.376			
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			585.576	585.576	601.800			204.424			397.376			
(1)	Thay thế hệ thống Quản lý thuế tập trung đáp ứng tái thiết kế quy trình nghiệp vụ	37164	421/QĐ-BTC ngày 06/3/2024	585.576	585.576	601.800			204.424			397.376			
III	Quy hoạch			11.700	11.700	11.700			2.795			8.905			
(1)	Quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050	34576	1006-26/8/2021	11.700	11.700	11.700			2.795			8.905			
IV	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội			2.572.685	2.124.242	392.609			55.466	382.676		719.819			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			2.572.685	2.124.242	392.609			55.466	382.676		719.819			
a	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư			527.934	527.934					16.000		16.000			
(1)	Trụ sở Cục Hải quan tỉnh Kiên Giang và Chi cục Hải quan Rạch Giá	56632								200		200			
(2)	Chi cục Hải quan Cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo	56633								200		200			
(3)	Chi cục Hải quan Bến Tre	56634								200		200			
(4)	Chi cục Hải quan Bạc Liêu	56635								200		200			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	
(5)	Chi cục Hải quan Yên Bái	56636								200		200			
(6)	Khu vực kiểm tra, kiểm soát, giám sát và lưu giữ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung cho toàn bộ khu vực cảng Lạch Huyện	56637								200		200			
(7)	Chi cục Hải quan Thủ Dầu Một	56638								200		200			
(8)	Bãi KTHH XNK gắn liền với trụ sở Chi cục HQCK La Lay	56639								200		200			
(9)	Kho tạm giữ hàng hóa vi phạm và kho lưu trữ hồ sơ tại Hiệp Phước	56640								200		200			
(10)	Trụ sở Chi cục Kiểm định Hải quan 5 tại Quảng Ninh	56641								200		200			
(11)	Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Cái Mép	56642								200		200			
(12)	Trụ sở Cục Hải quan Cà Mau	56643								200		200			
(13)	Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Dung Quất	56644								200		200			
(14)	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Cục Hải quan tỉnh Thanh Hóa	56645								200		200			
(15)	CCT huyện Hoài Đức	56591	1717/QĐ-BTC ngày 30/10/2020	68.869	68.869					300		300			
(16)	CCT Quận 11	56592	1717/QĐ-BTC ngày 30/10/2020	147.496	147.496					300		300			
(17)	CCT quận Tân Bình	56593	1717/QĐ-BTC ngày 30/10/2020	225.334	225.334					300		300			
(18)	CCT KV Hồng Bàng - An Dương	56594	2355a/QĐ-TCT ngày 28/10/2016	86.235	86.235					300		300			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	
(19)	Kho lưu trữ chuyên dụng ngành Thuế	56595								800		800			
(20)	CCT khu vực TP Trà Vinh - Châu Thành	56596								300		300			
(21)	CCT KV Hòa Bình -Vĩnh Lợi	56597								300		300			
(22)	CCT KV Bến Cát (Bến Cát - Bàu Bàng - Dầu Tiếng)	56598								300		300			
(23)	Cục Thuế tỉnh Bình Phước (CTMR)	56599								400		400			
(24)	CCT KV III (Cái Nước - Phú Tân - Trần Văn Thời)	56600								400		400			
(25)	CCT thành phố Cao Bằng	56601								400		400			
(26)	CCT KV Lê Chân - Dương Kinh	56602								400		400			
(27)	CCT huyện Bến Lức	56603								400		400			
(28)	CCT KV Thanh Ba - Hạ Hòa	56604								400		400			
(29)	CCT KV Tư Nghĩa - Mộ Đức	56605								400		400			
(30)	CCT KV Triệu Hải (TX Quảng Trị - Triệu Phong - Hải Lăng)	56606								400		400			
(31)	CCT KV TP Tây Ninh - Châu Thành	56607								400		400			
(32)	CCT KV TP Sầm Sơn - Quảng Xương	56608								400		400			
(33)	CCT huyện Cái Bè	56609								400		400			
(34)	CCT KV I (TP Vĩnh Long - Long Hồ)	56610								400		400			
(35)	CCT KV Nghĩa Vãn - Trạm Tầu (TX Nghĩa Lộ - Văn Trấn - Trạm Tầu)	56611								400		400			
(36)	CCT Ngô Quyền - Hải An (CTMR)	56612								300		300			
(37)	CCT thành phố Lạng Sơn (CTMR)	56613								300		300			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	
(38)	CCT KV Hương Điền (Hương Trà - Quảng Điền - Hương Điền) (CTMR)	56614								300		300			
(39)	CCT KV Gò Dầu - Trảng Bàng - Bến Cầu	56615								400		400			
(40)	CCT KV Tiền Hải - Kiến Xương	56616								400		400			
(41)	CCT KV Cầu Ngang - Trà Cú	56617								400		400			
(42)	CCT KV Chợ Mới - Phú Tân	56618								400		400			
(43)	CCT khu vực Bình Long - Hớn Quản	56619								400		400			
(44)	CCT KV Điện Biên - Mường Ảng	56620								400		400			
(45)	Cục Thuế tỉnh Hải Dương	56621								400		400			
(46)	CCT huyện KV IV (Châu Thành A - Châu Thành)	56622								400		400			
(47)	CCT KV số 01 (Kon Plông - Kon Rẫy) (CTMR)	56623								300		300			
(48)	Chi cục Thuế huyện Núi Thành	56624								300		300			
(49)	CCT KV Trấn Yên - Văn Yên	56625								400		400			
b	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025									24.227		24.227			
-	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025									11.605		11.605			
(1)	Chi cục Thuế Quận 6	56580	1859/QĐ-TCT ngày 06/11/2020	94.322	31.438					5.000		5.000			
(2)	Chi cục Thuế TP Sa Đéc	56581	1788/QĐ-TCT ngày 06/11/2020	66.003	34.071					5.000		5.000			
(3)	CCT huyện Lục Ngạn	56499	2073/QĐ-TCT ngày 30/12/2022	26.131	25.631					600		600			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	
(4)	Chi cục Thuế huyện Kim Động	56500	197/QĐ-TCT ngày 19/02/2021	22.454	7.604					1.005		1.005			
c	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			1.418.563	1.369.941	392.609			55.466	342.449		679.592			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			728.529	680.127	392.609			55.466	166.383		503.526			
(1)	CCT huyện Mường Chà	56501	2057/QĐ-TCT ngày 30/12/2022	25.375	24.875					3.962		3.962			
(2)	CCT huyện Tân Lạc	56502	1880/QĐ-TCT ngày 30/11/2022	32.386	31.886					5.228		5.228			
(3)	CCT khu vực Trà My - Tiên Phước	56503	2065/QĐ-TCT ngày 30/12/2022	30.806	30.306					10.000		10.000			
(4)	CCT Tân Thạnh	56504	1730/QĐ-TCT ngày 26/11/2021	29.845	28.645					9.402		9.402			
(5)	CCT Thanh Liêm	56505	2059/QĐ-TCT ngày 30/12/2022	44.802	44.002					18.500		18.500			
(6)	CCT huyện Ý Yên	56506	1954/QĐ-TCT ngày 14/12/2022	45.797	45.197					23.200		23.200			
(7)	Chi cục Thuế huyện Mỹ Hòa	56507	1820/QĐ-TCT ngày 17/11/2022	44.483	44.063					24.080		24.080			
(8)	CCT Quỳnh Lưu	56508	2071/QĐ-TCT ngày 30/12/2022	29.808	29.308					13.508		13.508			
(9)	CCT Trảng Bom	56509	2072/QĐ-TCT ngày 30/12/2022	43.382						30.323		30.323			
(10)	Chi cục Thuế khu vực Phước Sơn - Nam Giang	56583	184/QĐ-BTC ngày 26/01/2024	22.826	22.826					7.300		7.300			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	
(11)	Chi cục Thuế Ninh Hải (CCT KV Ninh Hải - Thuận Bắc)	56589	1749/QĐ-TCT ngày 01/12/2021	29.496	29.496					9.000		9.000			
(12)	Chi cục Thuế huyện Phong Thổ (CCT KV Phong Thổ - Sìn Hồ) (CTMR)	56590	760/QĐ-CTLCH 15/10/2021	12.380	12.380					11.880		11.880			
-	<i>Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025</i>			690.034	689.814					176.066		176.066			
(1)	Chi cục Thuế quận Nam Từ Liêm	56584	1717/QĐ-BTC ngày 30/10/2020	67.209	67.209					17.000		17.000			
(2)	Chi cục Thuế KV 1 (Năm Căn - Ngọc Hiển) - tỉnh Cà Mau (CTMR)	56585	1390/QĐ-TCT ngày 23/8/2022	21.376	21.376					7.000		7.000			
(3)	Chi cục Thuế Phú Lý - Kim Bảng	56586	1030/QĐ-TCT ngày 06/7/2022	82.395	82.395					17.000		17.000			
(4)	Chi cục Thuế TP Hạ Long- Hoàn Kiếm	56587	1717/QĐ-BTC 30/10/2020	101.191	101.191					20.000		20.000			
(5)	Chi cục Thuế thị xã Phú Mỹ	56588	1375/QĐ-TCT ngày 15/8/2022	40.478	40.478					8.000		8.000			
(6)	CTMR Chi cục Thuế TP Quảng Ngãi - Sơn Tịnh	56582	1376/QĐ-TCT ngày 15/8/2022	60.868	60.868					18.000		18.000			
(7)	Chi cục Hải quan Cảng KV 1 (HQ Hải Phòng)	56626	185/QĐ-BTC ngày 26/01/2024	67.695	67.595					37.786		37.786			
(8)	Chi cục Hải quan quản lý các khu công nghiệp Yên Phong	56627	185/QĐ-BTC ngày 26/01/2024	46.248	46.248					9.200		9.200			
(9)	Chi cục Hải quan Khu công nghệ cao (HQ Hồ Chí Minh)	56628	185/QĐ-BTC ngày 26/01/2024	54.149	54.149					10.700		10.700			
(10)	Chi cục Hải quan Hậu Giang	56629	185/QĐ-BTC ngày 26/01/2024	36.938	36.938					9.200		9.200			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	
(11)	Cải tạo, xây dựng Trụ sở các cơ quan Tổng cục Hải quan (địa điểm 159+161 Bà Triệu, Hà Nội)	56630	185/QĐ-BTC ngày 26/01/2024	55.204	55.084					10.880		10.880			
(12)	Tổng kho Trâu Quỳ Gia Lâm	56631	185/QĐ-BTC ngày 26/01/2024	56.283	56.283					11.300		11.300			
d	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			626.188	226.367					24.227		24.227			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020			417.278	127.624					12.622		12.622			
(1)	CCT huyện Bình Xuyên	56493	184/QĐ-BTC ngày 26/01/2024	19.610	2.764					2.237		2.237			
(2)	CCT Khoái Châu	56494	1804/QĐ-TCT ngày 06/11/2020	44.850	9.186					375		375			
(3)	Chi cục Thuế huyện Văn Lâm	56495	1378 /QĐ-TCT ngày 22/5/2013	32.631	9.813					1.402		1.402			
(4)	Cục Thuế tỉnh Đồng Nai	56496	1784/QĐ-TCT ngày 06/11/2020	185.224	54.325					5.264		5.264			
(5)	Cục Thuế Bình Định	56497	184/QĐ-BTC ngày 26/01/2024	99.013	43.177					1.844		1.844			
(6)	Chi cục Thuế huyện Văn Giang	56498	184/QĐ-BTC ngày 26/01/2024	35.950	8.359					1.500		1.500			
e	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			1.418.563	1.369.941	392.609			55.466	342.449		679.592			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			728.529	680.127	392.609			55.466	166.383		503.526			
(1)	Dự án Trụ sở cơ quan Hải quan Cảng Hàng không quốc tế Long Thành	38201	85/QĐ-BTC ngày 26/01/2024	337.143	337.143	392.609			55.466			337.143			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	
V	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội			134.799	126.075	67.330			38.692			28.638			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			134.799	126.075	67.330			38.692			28.638			
(1)	Trụ sở Cục DTNNKV Thanh Hóa	8243	1675/QĐ-BTC, 27/7/2016; 678-31/10/2019	27.830	27.830	10.930			2.292			8.638			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			106.969	98.245	56.400			36.400			20.000			
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			106.969	98.245	56.400			36.400			20.000			
(1)	Hải đội Kiểm soát Hải quan số 2 tại Đà Nẵng	27362	185/QĐ-BTC ngày 26/01/2024	106.969	98.245	56.400			36.400			20.000			



Phụ lục II.A
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số		Trong đó	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW			Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB
	Tổng số			672.500	622.500	621.500			215.000	133.000		539.500			
	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			672.500	622.500	621.500			215.000	133.000		539.500			
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			672.500	622.500	621.500			215.000	133.000		539.500			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			672.500	622.500	621.500			215.000	133.000		539.500			
a	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư			180.000	130.000	130.000			74.000	133.000		189.000			
(1)	Xây dựng Trụ sở mới của Bộ Nông nghiệp và PTNT	56722								18.000		18.000			
(2)	Hồ Đồng Điền	56723								10.000		10.000			
(3)	Hồ Nghinh Tường	56724								5.000		5.000			
(4)	Hệ thống trữ và cấp nước cho cao nguyên Mộc Châu	56725								5.000		5.000			
(5)	Công trình cấp nước sinh hoạt 04 huyện vùng cao núi đá phía Bắc, tỉnh Hà Giang	56726								5.000		5.000			
(6)	Hồ Châu Giang	56727								5.000		5.000			
(7)	Hồ Sông Nhùng	56728								5.000		5.000			
(8)	Hồ Thượng sông Vệ, đập hạ lưu sông Vệ	56729								5.000		5.000			
(9)	Đập Xuân Quan	56730								20.000		20.000			
(10)	Đập Long Từ	56731								20.000		20.000			
(11)	Công trình điều tiết nguồn nước và chỉnh trị sông Quảng Huế	56732								10.000		10.000			
(12)	Năng cấp, hoàn thiện đề tà, hữu sông Hoàng Long	56733								5.000		5.000			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	
(13)	Nâng cấp, hoàn thiện đê biển Tây	56734								10.000		10.000			
(14)	Nâng cấp, hoàn thiện đê biển Đông	56735								10.000		10.000			
(15)	Hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản hạ lưu sông Bàn Thạch, tỉnh Phú Yên	36397	3331 23/7/2021	180.000	130.000	130.000			74.000			56.000			
b	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			492.500	492.500	491.500			141.000			350.500			
-	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025			492.500	492.500	491.500			141.000			350.500			
(1)	Dự án Hệ thống thông tin quản lý nghề cá trên biển - Giai đoạn 2	25545	676 28/2/2019	92.000	92.000	91.500			91.000			500			
(2)	Sửa chữa Nâng cấp hệ thống thủy lợi Thác Huống	36327	3323 23/7/2021	400.500	400.500	400.000			50.000			350.000			



Phụ lục II.A
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025
CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG)
(Kèm theo Quyết định số 831/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đanh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025					Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung				Ghi chú					
						TMDT						Tổng số	Trong đó:		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án				Tổng số	Trong đó:						
						Trong đó: vốn NSTW							Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW			Tổng số		Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		
						Tổng số	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ	Tổng số					Quy đổi ra tiền Việt		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng				Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng
							NSTW	NSDP							Đưa vào	Vay lại										
Tổng số						3.173.033	3.173.033					82.000				82.000	82.000									
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn						3.173.033	3.173.033						82.000				82.000	82.000								
* Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						3.173.033	3.173.033						82.000				82.000	82.000								
Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						3.173.033	3.173.033						82.000				82.000	82.000								
- Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư						3.173.033	3.173.033						82.000				82.000	82.000								
(1)	Dự án nâng cao năng lực ứng phó thiên tai vùng ven biển Việt Nam (WB10)	38039	WB			1215, 19/10/2023	828.100	828.100					35.000				35.000	35.000								
(2)	Dự án chống chịu khí hậu và chuyển đổi tăng hợp vùng đồng bằng sông Cửu Long (MERIT-WB11)	38040	WB			233, 18/3/2024	1.491.000	1.491.000					31.000				31.000	31.000								
(3)	Dự án cải thiện hệ thống thủy lợi các tỉnh ven biển ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu (JICA5)	38041	JICA				853.933	853.933					16.000				16.000	16.000								





Phụ lục II.A
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Tổng số		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW
	Tổng số			770.368	770.368	420.268			100.000	100.000		420.268			
	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch			770.368	770.368	420.268			100.000	100.000		420.268			
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			250.000	250.000					100.000		100.000			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			250.000	250.000					100.000		100.000			
a	Dự án khởi công mới			250.000	250.000					100.000		100.000			
(1)	Dự án Mở rộng Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng Giai đoạn 3	56445	135/QĐ-BVHTTDL ngày 17/01/2024	250.000	250.000					100.000		100.000			
II	Thể dục, thể thao			520.368	520.368	420.268			100.000			320.268			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			520.368	520.368	420.268			100.000			320.268			
a	Dự án khởi công mới			520.368	520.368	420.268			100.000			320.268			
(1)	Cải tạo nâng cấp khu A Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Hà Nội	27958	QĐ dự toán CBĐT số 2063, 06/7/2011; 1691, 26/5/2021; 3693/QĐ-BVHTTDL ngày 01/12/2023; 159/QĐ-BVHTTDL ngày 19/01/2024	520.368	520.368	420.268			100.000			320.268			



Phụ lục II.A
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số		Trong đó	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW			Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB
	Tổng số			242.000	242.000	161.170			10.000	10.000		161.170			
	Tòa án nhân dân tối cao			242.000	242.000	161.170			10.000	10.000		161.170			
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			97.000	97.000	81.170			10.000			71.170			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			97.000	97.000	81.170			10.000			71.170			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			97.000	97.000	81.170			10.000			71.170			
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			97.000	97.000	81.170			10.000			71.170			
(1)	Học viện Tòa án (GD4)	24847	116-05/5/21 36-23/2/23	97.000	97.000	81.170			10.000			71.170			
II	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội			145.000	145.000	80.000				10.000		90.000			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			145.000	145.000	80.000				10.000		90.000			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			145.000	145.000	80.000				10.000		90.000			
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			145.000	145.000	80.000				10.000		90.000			
(1)	TAND tỉnh Kiên Giang	33741	114-5/5/20 266-31/7/23	145.000	145.000	80.000				10.000		90.000			





Phụ lục II.A
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	
	Tổng số			181.445	174.000	88.000			86.000	86.000		88.000			
	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh			181.445	174.000	88.000			86.000	86.000		88.000			
I	Khoa học, công nghệ			181.445	174.000	88.000			86.000	86.000		88.000			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			181.445	174.000	88.000			86.000	86.000		88.000			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			90.000	86.000					86.000		86.000			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			90.000	86.000					86.000		86.000			
(1)	Phòng thí nghiệm năng lượng và sản xuất xanh	56578	1532, 04/11/2023	50.000	50.000					50.000		50.000			
(2)	Phòng thí nghiệm ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh tế, kinh doanh	56579	1533, 04/11/2023	40.000	36.000					36.000		36.000			
(3)	Phòng thí nghiệm Radar và Công nghệ Truyền thông	27010	435, 28/4/2021	50.000	50.000	50.000			50.000						
(4)	Phòng thí nghiệm Nghiên cứu chuyên sâu về việc áp dụng khoa học công nghệ trong kinh tế học pháp luật và kinh doanh thông minh trong kỷ nguyên số	37118	1224, 29/9/2021	41.445	38.000	38.000			36.000			2.000			



Phụ lục II.A
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
	Tổng số			96.734	96.734	28.242			3.777	3.777		28.242			
	Hội nông dân Việt Nam			96.734	96.734	28.242			3.777	3.777		28.242			
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			45.000	45.000	6.000				3.777		9.777			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			45.000	45.000	6.000				3.777		9.777			
(1)	Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân - hội ND tỉnh Nghệ An	11037	QĐ 3466/29/4/2021	45.000	45.000	6.000				3.777		9.777			
II	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội			51.734	51.734	22.242			3.777			18.465			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			51.734	51.734	22.242			3.777			18.465			
(1)	Dự án cải tạo Trụ sở làm việc Trung ương Hội nông dân Việt Nam tại Hà Nội	8304	3008/28/4/2017; 3575/27/5/2021	51.734	51.734	22.242			3.777			18.465			



Bộ Y tế

Phụ lục III.A

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỪ NGUỒN TĂNG THU, CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2021 CÒN DƯ SAU KHI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TIỀN THUÊ NHÀ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị quyết số 110/2023/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	Tổng số	2.420.700
1	NGÀNH Y TẾ	2.420.700



Bộ Y tế

Phụ lục III.B

DANH MỤC DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) TỪ NGUỒN TĂNG THU, CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2021 CÒN DƯ SAU KHI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TIỀN THUÊ NHÀ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn NSTW bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSTW
	Bộ Y tế		2.428.506	2.420.700	2.420.700	
	NGÀNH Y TẾ		2.428.506	2.420.700	2.420.700	
1	Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị y tế tại Bệnh viện K cơ sở Quán Sứ (đợt 2)	Quyết định số 249/QĐ-BYT; 31/01/2024	790.500	790.000	790.000	
2	Dự án đầu tư trang thiết bị y tế Bệnh viện Bạch Mai	Quyết định số 4642/QĐ-BYT; 23/12/2023	340.700	340.700	340.700	
3	Dự án đầu tư xây dựng khoa khám bệnh- Bệnh viện Bạch Mai	Quyết định số 4643/QĐ-BYT; 23/12/2023	790.000	790.000	790.000	
4	Dự án mua sắm trang thiết bị y tế, cải tạo sửa chữa Bệnh viện Chợ Rẫy	Quyết định số 4704/QĐ-BYT; 28/12/2023	507.306	500.000	500.000	



Đại học Quốc gia Hà Nội

Phụ lục III.A

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỪ NGUỒN TĂNG THU, CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2021 CÒN DƯ SAU KHI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TIỀN THUÊ NHÀ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị quyết số 110/2023/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
	Tổng số	500.000
1	NGÀNH Y TẾ	500.000



Phụ lục III.B

DANH MỤC DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) TỪ NGUỒN TĂNG THU, CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2021 CÒN DƯ SAU KHI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TIỀN THUÊ NHÀ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn NSTW bố trí từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSTW
	Đại học Quốc gia Hà Nội		500.000	500.000	500.000	
	NGÀNH Y TẾ		500.000	500.000	500.000	
1	Dự án Đầu tư mua sắm trang thiết bị y tế - Dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà trung tâm khoa khám bệnh và kỹ thuật nghiệp vụ - Bệnh viện Đại học Y dược	Quyết định số 5035/QĐ-ĐHQGHN; 25/12/2023; Quyết định số 5261/QĐ-ĐHQGHN; 29/12/2023	500.000	500.000	500.000	



Phụ lục II.B
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG)
(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Tỉnh Tuyên Quang

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025					Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú										
							TMDT					Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:		Tổng số									
							Trong đó: vốn NSTW						Vốn đối ứng												Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cán đối NSTW		Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cán đối NSTW
							Vốn đối ứng		Quy đổi ra tiền Việt				Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng											Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW					
							Tổng số	Trong đó	Tính bằng nguyên tệ	Tổng số	Đưa vào			Vay lại															Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	
NSTW	NSDP																																
	Tổng số						1.026.094	212.578	212.355	813.516	726.445	78.964	355.340		355.340			15.769	15.769	355.340		355.340											
	Tuyên Quang						1.026.094	212.578	212.355	813.516	726.445	78.964	355.340		355.340			15.769	15.769	355.340		355.340											
	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						1.026.094	212.578	212.355	813.516	726.445	78.964	355.340		355.340			15.769	15.769	355.340		355.340											
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						1.026.094	212.578	212.355	813.516	726.445	78.964	355.340		355.340			15.769	15.769	355.340		355.340											
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						1.026.094	212.578	212.355	813.516	726.445	78.964	355.340		355.340			15.769	15.769	355.340		355.340											
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025						1.026.094	212.578	212.355	813.516	726.445	78.964	355.340		355.340			15.769	15.769	355.340		355.340											
(1)	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc, tỉnh Tuyên Quang	37982	JICA			456/QĐ-TTg, 13/4/2022	998.200	208.560	208.560	789.640	710.676	78.964	355.340		355.340			15.769		339.571		339.571											
(2)	Dự án Tăng cường hiệu quả đầu tư và duy trì, phát triển, đảm bảo bền vững Dự án Chương trình phát triển khu vực nông thôn tỉnh Tuyên Quang (KOICA)	38018	KOICA			506/QĐ-UBND, 22/12/2023	27.894	4.018	3.795	23.876	15.769								15.769	15.769		15.769											



Phụ lục II.B
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG)
(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Tỉnh Lào Cai

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025					Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú												
							TMDT					Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:													
							Trong đó: vốn NSTW						Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng		Điều chỉnh giảm	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW									
							Tổng số	Trong đó		Tỉnh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt																Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Tổng số	Trong đó:
								NSTW	NSDP																			Đưa vào	Vay lại						
	Tổng số						5.196.121	1.280.083	164.739	352.521		3.844.038	2.287.970	1.556.068				191.429	191.429																
	Lào Cai						5.196.121	1.280.083	164.739	352.521		3.844.038	2.287.970	1.556.068				191.429	191.429																
a	Tài nguyên						127.663	20.849	20.849		106.814	85.451	21.363	52.088				14.847			37.241					37.241									
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						127.663	20.849	20.849		106.814	85.451	21.363	52.088				14.847			37.241					37.241									
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						127.663	20.849	20.849		106.814	85.451	21.363	52.088				14.847			37.241					37.241									
(1)	Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Lào Cai - VILG Lào Cai (WB)	2345	WB			1236/QĐ-BTNMT, 30/5/2016; 2993/QĐ-UBND ngày 12/9/2016	127.663	20.849	20.849		106.814	85.451	21.363	52.088				14.847			37.241					37.241									
b	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						220.300	18.280	18.280		202.020	186.020	16.000	29.630				5.568			24.062					24.062									
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						220.300	18.280	18.280		202.020	186.020	16.000	29.630				5.568			24.062					24.062									
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						220.300	18.280	18.280		202.020	186.020	16.000	29.630				5.568			24.062					24.062									
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025						220.300	18.280	18.280		202.020	186.020	16.000	29.630				5.568			24.062					24.062									
(1)	Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả (vốn WB)	1722	WB			1415/QĐ-TTg, 20/8/2015; 3606/QĐ-BNN-HTQT, 04/9/2015; 3102/QĐ-UBND, 21/7/2016; 3731/QĐ-UBND, 04/8/2016	220.300	18.280	18.280		202.020	186.020	16.000	29.630				5.568			24.062					24.062									
c	Cấp nước, thoát nước						177.545	16.670	16.670		160.875	136.744	24.131	87.000				21.683			65.317					65.317									
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						177.545	16.670	16.670		160.875	136.744	24.131	87.000				21.683			65.317					65.317									



ST T	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư							Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung				Ghi chú				
						TMBT							Tổng số	Trong đó:			Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn nước ngoài nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 từ nguồn điều chỉnh giữa các bộ, cơ quan trung ương, địa phương	Tổng số	Trong đó:									
						Trong đó: vốn NSTW								Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Vốn đối ứng nguồn NSTW			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW						
						Tổng số	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt		Điều chỉnh giảm				Điều chỉnh tăng				Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số		Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	
							NSTW	NSDP		Tổng số	Trong đó:					Tổng số												Trong đó:
							Đưa vào	Vay lại																				
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						177.545	16.670	16.670		160.875	136.744	24.131	87.000			87.000			21.683			65.317			65.317		
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025						177.545	16.670	16.670		160.875	136.744	24.131	87.000			87.000			21.683			65.317			65.317		
(1)	Dự án Sứ cầu và nâng cao an toàn đập (WB)	1876	WB			1858/QĐ-TTg ngày 02/11/2015; 4638/QĐ-BNN ngày 09/11/2015; 2978/QĐ-UBND, 25/9/2018	177.545	16.670	16.670		160.875	136.744	24.131	87.000			87.000			21.683			65.317			65.317		
d	Giao thông						3.612.056	981.748	104.213	114.712		2.558.308	1.424.749	1.133.559	292.115	7.400	380.549			95.672	191.429			483.706	7.400		476.306	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						3.612.056	981.748	104.213	114.712		2.558.308	1.424.749	1.133.559	292.115	7.400	380.549			95.672	191.429			483.706	7.400		476.306	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						942.233	183.925	104.213	114.712		758.308	524.749	233.559	292.115	7.400	380.549			95.672				292.277	7.400		284.877	
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025						942.233	183.925	104.213	114.712		758.308	524.749	233.559	292.115	7.400	380.549			95.672				292.277	7.400		284.877	
(1)	Dự án Quản lý tài sản đường địa phương (Vốn WB)	1727	WB			3154/QĐ-UBND ngày 07/5/2015; 2403/QĐ-UBND ngày 09/6/2015; 46/QĐ-TTg ngày 13/01/2022; 462/QĐ-BGTVT ngày 07/4/2022	508.320	74.000	35.000	74.000		434.320	330.356	103.964	189.895			189.895			852			189.043			189.043	

ST T	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025					Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú				
						TMBT						Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:							
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó: vốn NSTW						Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Điều chỉnh tăng		Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn nước ngoài nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 từ nguồn điều chỉnh giữa các bộ, cơ quan trung ương, địa phương	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)							Điều chỉnh giảm						Điều chỉnh tăng	Tổng số	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW
								Tổng số	NSTW	NSĐP	Tính bằng nguyên tệ															
(2)	Dự án Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng nông thôn huyện Bắc Hà (Vốn KUWAIT)	1726	KUWAIT			734/QĐ-TTg ngày 29/4/2016; 3495/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 1070/QĐ-UBND ngày 05/4/2021	433.913	109.925	69.213	40.712	323.988	194.393	129.595	102.220	7.400	94.820				94.820	7.400	7.400				
-	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư						2.669.823	797.823			1.800.000	900.000	900.000						191.429	191.429			191.429			
(1)	Dự án Phát triển hạ tầng và đô thị bền vững tỉnh Lào Cai, vay vốn ADB	38011	ADB			1040/QĐ-TTg ngày 12/9/2023	2.669.823	797.823			1.800.000	900.000	900.000						191.429	191.429			191.429			
e	Du lịch						250.142	53.175		53.175	196.967	196.967		57.400		57.400			12.177	45.223			45.223			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						250.142	53.175		53.175	196.967	196.967		57.400		57.400			12.177	45.223			45.223			
-	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						250.142	53.175		53.175	196.967	196.967		57.400		57.400			12.177	45.223			45.223			
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025						250.142	53.175		53.175	196.967	196.967		57.400		57.400			12.177	45.223			45.223			
(1)	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực Tiểu vùng Mê Công mở rộng (GMS) - Tiểu dự án tỉnh Lào Cai (Vốn ADB)	2429	ADB			280/QĐ-TTg ngày 20/02/2014; 1469/QĐ-BVHTTĐ L ngày 16/5/2014; 2889/QĐ-UBND ngày 10/10/2014; 4012/QĐ-UBND ngày 15/9/2017; 2695/QĐ-UBND ngày 31/8/2018; 2113/QĐ-UBND ngày 15/7/2019	250.142	53.175		53.175	196.967	196.967		57.400		57.400			12.177	45.223			45.223		45.223	

ST T	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư							Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đề giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025					Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú	
						TMBT							Tổng số	Trong đó:		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án					Tổng số	Trong đó:			
						Trong đó: vốn NSTW								Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW				Vốn đối ứng nguồn NSTW			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW
						Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)								Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Tổng số		Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW			
						Tổng số	Trong đó	Tính bằng nguyên tệ	Tổng số	Quy đổi ra tiền Việt															
Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Điều chỉnh giảm	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW								
				Đưa vào	Vay lại																				
f	Công trình công cộng tại các đô thị					808.415	189.361	60.526	128.835		619.054	258.039	361.015	156.512	14.826	141.686			41.482		115.030	14.826	100.204		
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C					808.415	189.361	60.526	128.835		619.054	258.039	361.015	156.512	14.826	141.686			41.482		115.030	14.826	100.204		
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025					808.415	189.361	60.526	128.835		619.054	258.039	361.015	156.512	14.826	141.686			41.482		115.030	14.826	100.204		
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025					808.415	189.361	60.526	128.835		619.054	258.039	361.015	156.512	14.826	141.686			41.482		115.030	14.826	100.204		
(1)	Dự án Phát triển các đô thị loại vừa - Tiểu dự án thành phố Lào Cai - Khoản vay bổ sung - AF (Vốn WB)	2227	WB	15/12/2017		351/QĐ-TTg, 21/3/2017; 955/QĐ-UBND, 27/3/2017; 956/QĐ-UBND, 27/3/2017; 3429/QĐ-UBND, 18/10/2019; 3436/QĐ-UBND, 21/10/2019; 2459/QĐ-UBND, 30/7/2020; 2610/QĐ-UBND, 11/8/2020	808.415	189.361	60.526	128.835		619.054	258.039	361.015	156.512	14.826	141.686			41.482		115.030	14.826	100.204	

Tỉnh Yên Bái

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	7.253
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	7.253



Tỉnh Yên Bái

Phụ lục I.B

**BỘ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	7.253
	Các hoạt động kinh tế	7.253
	<i>Trong đó</i>	
-	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</i>	7.253



Phụ lục II.A
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
	Tổng số			1.200.642	905.875	744.178			130.543	130.875		744.510			
	Yên Bái			1.200.642	905.875	744.178			130.543	130.875		744.510			
I	Thể dục, thể thao			350.000	250.000	219.178			130.543			88.635			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			350.000	250.000	219.178			130.543			88.635			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			350.000	250.000	219.178			130.543			88.635			
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			350.000	250.000	219.178			130.543			88.635			
(1)	Khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh Yên Bái	28256	54/NQ-HĐND ngày 10/11/2020; 02/NQ-HĐND ngày 19/4/2021; 21/NQ-HĐND ngày 08/7/2023	350.000	250.000	219.178			130.543			88.635			
II	Giao thông			850.642	655.875	525.000				130.875		655.875			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			850.642	655.875	525.000				130.875		655.875			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			850.642	655.875	525.000				130.875		655.875			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			850.642	655.875	525.000				130.875		655.875			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	
(1)	Đường nối quốc lộ 32 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15)	28236	3447/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; 3086/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; 1882/QĐ-UBND ngày 19/10/2022; 04/NQ-HĐND ngày 12/4/2023; 17/NQ-HĐND ngày 08/7/2023	546.642	429.875	350.000				79.875		429.875			
(2)	Cải tạo đường nối Quốc lộ 37 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15)	28241	54/NQ-HĐND ngày 10/11/2020; 02/NQ-HĐND ngày 19/4/2021; 17/NQ-HĐND ngày 08/7/2023; 04/QĐ-UBND ngày 12/4/2023	304.000	226.000	175.000				51.000		226.000			



Phụ lục II.B
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG)
(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung				Ghi chú			
						TMDT				Tổng số	Trong đó:		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án		Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn nước ngoài nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 từ nguồn điều chỉnh giữa các bộ, cơ quan trung ương, địa phương	Tổng số	Trong đó:						
						Trong đó: vốn NSTW					Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW				Vốn đối ứng nguồn NSTW						
						Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		Điều chỉnh tăng				Điều chỉnh giảm		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW				
						Tổng số	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ		Quy đổi ra tiền Việt		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Tổng số		Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	
Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	Trong đó:																			
						Đưa vào	Vay lại																
	Tổng số					726.083	100.380	90.342		625.703	582.412	43.292	93.864	16.332		77.532	332			7.253	100.785	16.000	84.785
	Yên Bái					726.083	100.380	90.342		625.703	582.412	43.292	93.864	16.332		77.532	332			7.253	100.785	16.000	84.785
a	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					7.253				7.253	7.253									7.253	7.253		7.253
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C					7.253				7.253	7.253									7.253	7.253		7.253
-	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025					7.253				7.253	7.253									7.253	7.253		7.253
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025					7.253				7.253	7.253									7.253	7.253		7.253
(1)	Phát triển nông nghiệp bền vững và giảm nghèo thông qua quản lý tốt hơn nguồn nước tại xã Nặm Búng, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	38013	MLCSF			71/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	7.253			7.253	7.253									7.253	7.253		7.253
b	Công trình công cộng tại các đô thị					718.830	100.380	90.342		618.450	575.159	43.292	93.864	16.332		77.532	332			93.532	16.000		77.532
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C					718.830	100.380	90.342		618.450	575.159	43.292	93.864	16.332		77.532	332			93.532	16.000		77.532
-	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025					718.830	100.380	90.342		618.450	575.159	43.292	93.864	16.332		77.532	332			93.532	16.000		77.532
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025					718.830	100.380	90.342		618.450	575.159	43.292	93.864	16.332		77.532	332			93.532	16.000		77.532
(1)	Dự án "Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - thành phố Yên Bái"	172	WB	17/07/2014	30/06/2022	2002/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	718.830	100.380	90.342		618.450	575.159	43.292	93.864	16.332		77.532	332		93.532	16.000		77.532



Phụ lục II.A
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
	Tổng số		5.211.969	3.654.717	3.387.939			200.674	200.676		3.387.941				
	Thái Nguyên		5.211.969	3.654.717	3.387.939			200.674	200.676		3.387.941				
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		908.017	199.361	133.211			101.387			31.824				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C		908.017	199.361	133.211			101.387			31.824				
(1)	Hệ thống đường lâm nghiệp phục vụ sản xuất, phát triển, bảo vệ, phòng chống cháy rừng tỉnh Thái Nguyên (GD I)	899	2389-23/10/2012; 2238a 01/9/2016; 3225-23/10/2017; 3330-16/10/2019; 4181-30/12/2020	75.018	9.229	5.324			213		5.111				
(2)	Đầu tư tổng thể bố trí, ổn định dân cư vùng bán ngập Hồ Núi Cốc: Hạng mục Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, ổn định dân cư tại các xã Phúc Tân, Lục Ba, Vạn Thọ, Tân Thái, Bình Thuận,	1176	2985-30/10/2015; 1571-14/6/2017; 3466-7/11/2017; 1147-09/5/2018; 2080-9/7/2020; 3467-30/10/2020; 3712-25/11/2020	109.999	90.132	27.887			1.174		26.713				
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			723.000	100.000	100.000			100.000						

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			723.000	100.000	100.000			100.000						
(1)	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thái Nguyên	32060	NQ số 80/NQ-HĐND ngày 21/6/2021	723.000	100.000	100.000			100.000						
II	Giao thông			4.204.000	3.355.404	3.154.728				200.676		3.355.404			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			4.204.000	3.355.404	3.154.728				200.676		3.355.404			
(1)	Tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc	34414	3195-20/12/2022	4.204.000	3.355.404	3.154.728				200.676		3.355.404			
III	Công nghệ thông tin			99.952	99.952	100.000			99.287			713			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			99.952	99.952	100.000			99.287			713			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			99.952	99.952	100.000			99.287			713			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			99.952	99.952	100.000			99.287			713			
(1)	Đầu tư dự án về chuyển đổi số	36264	75/NQ-HĐND 21/6/2021; QĐ 3206/QĐ-UBND ngày 13/10/2021	99.952	99.952	100.000			99.287			713			



Phụ lục II.B
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG)
(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Tỉnh Thái Nguyên

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung				Ghi chú								
							TMDT					Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:									
							Trong đó: vốn NSTW						Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn nước ngoài nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 từ nguồn điều chỉnh giữ các bộ, cơ quan trung ương, địa phương	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW									
							Tổng số	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ	Tổng số													Quy đổi ra tiền Việt		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW
								NSTW	NSDP															Đưa vào	Vay lại						
							438.543	186.054	93.027	93.027		252.489	252.489		285.831	93.029		192.802					285.829	93.027		192.802					
							438.543	186.054	93.027	93.027		252.489	252.489		285.831	93.029		192.802					285.829	93.027		192.802					
a	Cấp nước, thoát nước						438.543	186.054	93.027	93.027		252.489	252.489		285.831	93.029		192.802					285.829	93.027		192.802					
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						438.543	186.054	93.027	93.027		252.489	252.489		285.831	93.029		192.802					285.829	93.027		192.802					
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						438.543	186.054	93.027	93.027		252.489	252.489		285.831	93.029		192.802					285.829	93.027		192.802					
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025						438.543	186.054	93.027	93.027		252.489	252.489		285.831	93.029		192.802					285.829	93.027		192.802					
(1)	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu trung tâm phía nam Thành phố Thái Nguyên	2514	BEL			Số 1227/QĐ-UBND ngày 27/5/2015	438.543	186.054	93.027	93.027		252.489	252.489		285.831	93.029		192.802					285.829	93.027		192.802					



Tỉnh Bắc Kạn

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	22.147
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	22.147



Tỉnh Bắc Kạn

Phụ lục I.B

**BỘ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	22.147
	Các hoạt động kinh tế	22.147
	<i>Trong đó</i>	
-	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</i>	22.147



Phụ lục II.B
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG)
(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Tỉnh Bắc Kạn

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao				Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung				Ghi chú				
							TMDT						Trong đó:				Trong đó:				Trong đó:								
							Trong đó: vốn NSTW						Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW			Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	
							Tổng số	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số	Trong đó:	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Tổng số	Trong đó:	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm		Tổng số	Trong đó:	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	
								NSTW	NSDP		Tổng số	Đưa vào																	Vay lại
	Tổng số						840.129	364.129	40.000	93.670		476.000	401.184	74.816	294.159	2.081		292.078					22.147	316.306	2.081		314.225		
	Bắc Kạn						840.129	364.129	40.000	93.670		476.000	401.184	74.816	294.159	2.081		292.078					22.147	316.306	2.081		314.225		
	Nông nghiệp, lâm nghiệp, dịch vụ nông nghiệp, thủy lợi và thủy sản						840.129	364.129	40.000	93.670		476.000	401.184	74.816	294.159	2.081		292.078					22.147	316.306	2.081		314.225		
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						840.129	364.129	40.000	93.670		476.000	401.184	74.816	294.159	2.081		292.078					22.147	316.306	2.081		314.225		
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						840.129	364.129	40.000	93.670		476.000	401.184	74.816	294.159	2.081		292.078					22.147	316.306	2.081		314.225		
(1)	Dự án hỗ trợ kinh doanh cho nông hộ tỉnh Bắc Kạn (CSSP)	2300	IFAD			Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 18/7/2022	840.129	364.129	40.000	93.670		476.000	401.184	74.816	294.159	2.081		292.078					22.147	316.306	2.081		314.225		

Tỉnh Phú Thọ

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	48.898
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	48.898

Tỉnh Phú Thọ



Phụ lục I.B

**BỘ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	48.898
	Bảo vệ môi trường	48.898



Tỉnh Phú Thọ

Phụ lục II.B
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG)
(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú			
						TMDT						Trong đó:			Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án				Trong đó:						
						Trong đó: vốn NSTW						Vốn đối ứng			Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cán đối NSTW		Vốn đối ứng nguồn NSTW						
						Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Tổng số	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cán đối NSTW	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm		Tổng số	Vốn đối ứng nguồn NSTW	
						Tổng số	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt														Trong đó:	
NSTW	NSDP	Tổng số	Đưa vào	Vay lại	Điều chỉnh tăng		Điều chỉnh giảm																		
	Tổng số					841.390	168.278	103.032		673.112	673.112		56.330		56.330			48.898	105.228		105.228				
	Phú Thọ					841.390	168.278	103.032		673.112	673.112		56.330		56.330			48.898	105.228		105.228				
a	Môi trường					841.390	168.278	103.032		673.112	673.112		56.330		56.330			48.898	105.228		105.228				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C					841.390	168.278	103.032		673.112	673.112		56.330		56.330			48.898	105.228		105.228				
-	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025					841.390	168.278	103.032		673.112	673.112		56.330		56.330			48.898	105.228		105.228				
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025					841.390	168.278	103.032		673.112	673.112		56.330		56.330			48.898	105.228		105.228				
(1)	Dự án Hệ thống thu gom và xử lý nước thải thành phố Việt Trì	174	EDCF			309/QĐ-UBND, 2/2/2010; 2737/QĐ-UBND, 29/10/2013; 353N/QĐ-UBND, 17/12/2018; 1235/QĐ-TTg 13/8/2020; 3632/QĐ-UBND 31/12/2020	841.390	168.278	103.032		673.112	673.112		56.330		56.330			48.898	105.228		105.228			



Phụ lục II.A
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số		Trong đó	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW			Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB
	Tổng số		1.666.241	1.553.887	1.319.800			133.026	133.026		1.319.800				
	Bắc Giang		1.666.241	1.553.887	1.319.800			133.026	133.026		1.319.800				
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp		75.721	61.639	53.400			800	8.239		60.839				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C		75.721	61.639	53.400			800	8.239		60.839				
(1)	Xây dựng nhà lớp học các trường THCS Hòa Sơn, THCS Đại Thành, THCS Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa	30364	264/QĐ-SXD ngày 30/10/2019; 1211/QĐ-UBND ngày 26/12/2020	9.459	4.000	4.000			500		3.500				
(2)	Xây dựng nhà lớp học các trường THCS Quang Minh, THCS Hùng Sơn, THCS Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa	30365	267/QĐ-SXD ngày 30/10/2019; 1206/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	8.528	2.800	2.800			300		2.500				
(3)	Xây dựng cơ sở vật chất một số trường MN, TH, THCS thuộc các xã: Thanh Vân, Mai Trung, Quang Minh, Mai Đình, Hoàng Thanh, Hoàng Vân, huyện Hiệp Hòa	30371	2191/QĐ-UBND ngày 30/10/2020; 1546/QĐ-UBND, 14/10/2023	57.734	54.839	46.600				8.239	54.839				
II	Y tế, dân số và gia đình			290.265	273.900	243.900				30.000	273.900				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			290.265	273.900	243.900				30.000	273.900				

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	
(1)	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Lục Ngạn	34731	2187/QĐ-UBND ngày 30/10/2020; 2561/QĐ-UBND ngày 25/12/2020; 686/QĐ-UBND, 11/5/2023	139.677	130.300	117.300				13.000		130.300			
(2)	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Yên Dũng	34732	2189/QĐ-UBND ngày 30/10/2020; 2562/QĐ-UBND ngày 25/12/2020; 678/QĐ-UBND, 11/5/2023	150.588	143.600	126.600				17.000		143.600			
III	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			176.461	166.061	77.000			40.026			36.974			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			176.461	166.061	77.000			40.026			36.974			
(1)	Cải tạo, nâng cấp cống Đại La, đê tả Cầu, huyện Hiệp Hòa	30211	1507/QĐ-UBND ngày 30/7/2020; 87/QĐ-UBND ngày 15/01/2021; 286/QĐ-UBND ngày 25/3/2023	46.774	45.574	25.000			16.500			8.500			
(2)	Cải tạo, nâng cấp cống Yên Ninh, đê tả Cầu, huyện Hiệp Hòa	30214	1506/QĐ-UBND ngày 30/7/2020; 88/QĐ-UBND ngày 15/01/2021; 285/QĐ-UBND ngày 25/3/2023	49.746	44.746	28.000			17.726			10.274			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
(3)	Tu bổ chống sạt lở đê điều hệ thống đê cấp III trên địa bàn huyện Tân Yên từ K6+000 đến K14+700 đê hữu sông Thương	30220	1511/QĐ-UBND ngày 30/7/2020; 591/QĐ-UBND ngày 20/4/2022; 287/QĐ-UBND ngày 25/3/2023	79.941	75.741	24.000			5.800			18.200			
IV	Giao thông			987.186	931.287	836.500			2.200			94.787			929.087
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			987.186	931.287	836.500			2.200			94.787			929.087
(1)	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông các xã Hoàng An, Hoàng Lương, Thái Sơn, Đại Thành và Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	30361	663/QĐ-SGTVT ngày 30/9/2019; 1210/QĐ-UBND ngày 26/12/2020	13.122	8.700	8.700			2.200			6.500			
(2)	Cải tạo, nâng cấp ĐT298 (đoạn từ Đình Nèo đi Việt Yên)	30153	2556/QĐ-UBND ngày 24/12/2020; 1163/QĐ-UBND ngày 08/8/2023	277.833	277.361	234.900						42.461			277.361
(3)	Xây dựng đường và cầu kết nối huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang với thị xã Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên (đoạn từ QL37 đến cầu Hòa Sơn)	30155	2438/QĐ-UBND ngày 08/12/2020; 1162/QĐ-UBND ngày 08/8/2023	538.143	495.926	459.600						36.326			495.926
(4)	Cải tạo, nâng cấp ĐT292 (đoạn từ cầu Bồ Hạ đến thị trấn Phồn Xương) huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.	34725	2458/QĐ-UBND ngày 10/12/2020; 1202/QĐ-UBND ngày 17/8/2023	158.087	149.300	133.300						16.000			149.300
V	Công nghệ thông tin			136.608	121.000	109.000			90.000			19.000			19.000
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			136.608	121.000	109.000			90.000			19.000			19.000

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	
(1)	Nâng cấp trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Bắc Giang	30350	447/QĐ-UBND ngày 29/3/2016; 1737/QĐ-UBND ngày 06/11/2018; 937/QĐ-UBND, 14/6/2019	45.011	36.000	24.000			5.000			19.000			
(2)	Nâng cấp Trung tâm giám sát, điều hành thông minh gắn với chuyển đổi số trong chỉ đạo, điều hành chính quyền các cấp tỉnh Bắc Giang	36641	14/NQ-HĐND, 29/6/2021; 31/NQ-HĐND, 4/10/2022; 06/NQ-HĐND ngày 05/4/2023	91.597	85.000	85.000			85.000						



Tỉnh Hải Dương

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	75.584
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	75.584



Tỉnh Hải Dương

Phụ lục I.B

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	75.584
	Các hoạt động kinh tế	75.584
	<i>Trong đó</i>	
-	Công trình công cộng tại các đô thị	75.584



Tỉnh Hải Dương

Phụ lục II.A
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
	Tổng số			1.887.535	1.147.583	1.087.583			60.000	60.000		1.087.583			
	Hải Dương			1.887.535	1.147.583	1.087.583			60.000	60.000		1.087.583			
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			108.649	60.000	60.000			60.000						
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			108.649	60.000	60.000			60.000						
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			108.649	60.000	60.000			60.000						
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			108.649	60.000	60.000			60.000						
(1)	Xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương (vùng sản xuất bắc và nam sông Cửu An)	29001	3148; 02/11/2016; 21/NQ-HĐND, 12/7/2021	108.649	60.000	60.000			60.000						
II	Giao thông			1.778.886	1.087.583	1.027.583				60.000		1.087.583			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			1.778.886	1.087.583	1.027.583				60.000		1.087.583			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			1.778.886	1.087.583	1.027.583				60.000		1.087.583			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			1.778.886	1.087.583	1.027.583				60.000		1.087.583			
(1)	Đầu tư xây dựng đường trục Đông - Tây tỉnh Hải Dương	34216	1643, 03/6/2021; 2672, 04/10/2022	1.778.886	1.087.583	1.027.583				60.000		1.087.583			



Phụ lục II.B
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CĂN ĐÓ: NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG)
(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Tỉnh Hải Dương

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Số quyết định; ngày, năm ban hành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao				Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung				Ghi chú				
							TMDT					Tổng số	Trong đó:			Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào căn đối NSTW		Tổng số	Trong đó:							
							Trong đó: vốn NSTW						Tổng số	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào căn đối NSTW		Tổng số	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào căn đối NSTW			Tổng số	Vốn đối ứng nguồn NSTW			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào căn đối NSTW			
							Tổng số	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ	Tổng số				Quy đổi ra tiền Việt			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào căn đối NSTW
								NSTW	NSDP						Đưa vào	Vay lại												
	Tổng số						1.951.044	457.890	457.890	1.492.382	520.712	971.670	409.700			409.700			35.426	35.426	75.584	485.284			485.284			
	Hải Dương						1.951.044	457.890	457.890	1.492.382	520.712	971.670	409.700			409.700			35.426	35.426	75.584	485.284			485.284			
a	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						176.460	14.244	14.244	162.216	121.662	40.554	121.660			121.660			35.426			86.234			86.234			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						176.460	14.244	14.244	162.216	121.662	40.554	121.660			121.660			35.426			86.234			86.234			
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						176.460	14.244	14.244	162.216	121.662	40.554	121.660			121.660			35.426			86.234			86.234			
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025						176.460	14.244	14.244	162.216	121.662	40.554	121.660			121.660			35.426			86.234			86.234			
(1)	Sửa chữa nâng cao an toàn đập	2045	WB	18/04/2016	01/12/2023	2395; 18/8/2020	176.460	14.244	14.244	162.216	121.662	40.554	121.660			121.660			35.426			86.234			86.234			
b	Công trình củng cố tại các đô thị						1.774.584	443.646	443.646	1.330.166	399.050	931.116	288.040			288.040			35.426	75.584	399.050			399.050				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						1.774.584	443.646	443.646	1.330.166	399.050	931.116	288.040			288.040			35.426	75.584	399.050			399.050				
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						1.774.584	443.646	443.646	1.330.166	399.050	931.116	288.040			288.040			35.426	75.584	399.050			399.050				
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025						1.774.584	443.646	443.646	1.330.166	399.050	931.116	288.040			288.040			35.426	75.584	399.050			399.050				
(1)	Phát triển tổng hợp các đô thị đồng lục - thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	2494	WB		01/06/2025	967; 22/3/2019	1.774.584	443.646	443.646	1.330.166	399.050	931.116	288.040			288.040			35.426	75.584	399.050			399.050				



Phụ lục II.B
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG)
(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Tỉnh Thanh Hóa

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư										Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đề giao						Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung						Ghi chú
						TMDT										Trong đó:						Trong đó:												
						Trong đó: vốn NSTW										Vốn đối ứng						Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW												
						Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Tổng số		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		Điều chỉnh tăng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		Điều chỉnh tăng		Tổng số		Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW								
						Tổng số	Trong đó	Tổng số	Tính bằng nguyên tệ	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:							
						887.360	95.875	95.875	791.485	590.375	201.110	261.259			261.259			19.773	19.773	261.259		261.259												
	Thanh Hóa					887.360	95.875	95.875	791.485	590.375	201.110	261.259			261.259			19.773	19.773	261.259		261.259												
	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					887.360	95.875	95.875	791.485	590.375	201.110	261.259			261.259			19.773	19.773	261.259		261.259												
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C					887.360	95.875	95.875	791.485	590.375	201.110	261.259			261.259			19.773	19.773	261.259		261.259												
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025					487.360	25.425	25.425	461.935	392.645	69.290	261.259			261.259			19.773		241.486		241.486												
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025					487.360	25.425	25.425	461.935	392.645	69.290	261.259			261.259			19.773		241.486		241.486												
(1)	Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	1962	WB		4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015	487.360	25.425	25.425	461.935	392.645	69.290	261.259			261.259			19.773		241.486		241.486												
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025					400.000	70.450	70.450	329.550	197.730	131.820							19.773		19.773		19.773												
	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025					400.000	70.450	70.450	329.550	197.730	131.820							19.773		19.773		19.773												
(1)	Phát triển thủy sản bền vững tỉnh Thanh Hóa	38014	WB		460/NQ-HĐND ngày 14/12/2023	400.000	70.450	70.450	329.550	197.730	131.820							19.773		19.773		19.773												



Tỉnh Nghệ An

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	589.298
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	589.298



Tỉnh Nghệ An

Phụ lục I.B

**BỘ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	589.298
1	Các hoạt động kinh tế	552.419
	<i>Trong đó</i>	
-	<i>Công trình công cộng tại các đô thị</i>	366.851
-	<i>Giao thông</i>	108.029
-	<i>Du lịch</i>	77.539
2	Y tế, dân số và gia đình	36.879



Phụ lục II.A
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
	Tổng số			1.968.311	1.129.834	422.792	50.000	73.518	87.532	361.169	50.000				
	Nghệ An			1.968.311	1.129.834	422.792	50.000	73.518	87.532	361.169	50.000				
I	Quốc phòng			120.000	106.290	94.916		11.182		83.734					
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			120.000	106.290	94.916		11.182		83.734					
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			120.000	106.290	94.916		11.182		83.734					
-	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025			120.000	106.290	94.916		11.182		83.734					
(1)	Nâng cấp tuyến đường giao thông Châu Bình, Châu Thuận, Châu Hội, Châu Nga, huyện Quỳnh Châu	2811	5324/QĐ-UBND 31/10/2016 PDDA, 1372 13/5/2021	120.000	106.290	94.916		11.182		83.734					
II	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			101.094	53.076				20.000	20.000					
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			101.094	53.076				20.000	20.000					
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			101.094	53.076				20.000	20.000					
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			101.094	53.076				20.000	20.000					
(1)	Xây dựng mới Trường THPT chuyên Phan Bội Châu (giai đoạn 2)	56416	05/NQ-HĐND ngày 28/2/2023 47/NQ-HĐND 11/9/2023	101.094	53.076				20.000	20.000					
III	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			319.171	257.347	82.400	50.000	7.388	67.532	142.544	47.789				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			319.171	257.347	82.400	50.000	7.388	67.532	142.544	47.789				

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			100.000	100.000					67.532		67.532			
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			100.000	100.000					67.532		67.532			
(1)	Cải tạo, nâng cấp các tuyến kênh thuộc hệ thống Thủy lợi Nam Nghệ An	56415	04/NQ-HĐND ngày 28/2/2023 47/NQ-HĐND 11/9/2023	100.000	100.000					67.532		67.532			
b	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			219.171	157.347	82.400	50.000		7.388			75.012	47.789		
-	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025			219.171	157.347	82.400	50.000		7.388			75.012	47.789		
(1)	Xây dựng kè chống sạt lở bờ sông Hiếu, đoạn qua thị trấn Tân Lạc và xã Châu Hạnh, huyện Quý Châu	4918	08/QĐ-HĐND ngày 02/3/2016; 5049 ngày 25/10/2017 1334; 12/5/2021	80.000	48.000	25.000			4.941			20.059			
(2)	Nâng cấp hệ thống thủy lợi ngăn mặn, chống hạn xã Nghi Vạn, huyện Nghi Lộc	30442	2382/QĐ-UBND ngày 13/06/2018 1464 12/5/20 (QT)	50.000	50.000	50.000	50.000		2.211			47.789	47.789		
(3)	Xây dựng kè chống sạt lở bờ cửa sông Diễn Ngọc, Diễn Bích chảy qua cửa Lạch Vạn, huyện Diễn Châu	2785	4916, 21/10/10 800 18/3/2020 (QT)	52.526	49.347	2.400			118			2.282			
(4)	Dự án xây dựng CSHT khu tái định cư để di dân khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai xã Hưng Hòa, thành phố Vinh	24923	1399/QĐ-UBND ngày 7/5/2020	36.645	10.000	5.000			118			4.882			
IV	Giao thông			1.362.622	668.487	239.842			51.317			188.525			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			1.362.622	668.487	239.842			51.317			188.525			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			1.262.122	567.987	215.479			26.954			188.525			
-	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025			1.262.122	567.987	215.479			26.954			188.525			
(1)	Xây dựng cầu Diên Kim, huyện Diên Châu	25589	12/NQ-HĐND ngày 14/5/2020 2079/QĐ-UBND ngày 29/6/2020; 4779/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 1310/QĐ-UBND ngày 10/5/2021	125.000	75.000	56.000			6.091			49.909			
(2)	Đường giao thông trục chính dọc trung tâm thị trấn Quán Hành, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	2714	4834/QĐ-UBND 30/10/2018; 1349/QĐ-UBND 12/5/2021; 3797/QĐ-UBND 14/10/2021 4441/QĐ-UBND 19/11/2021 654/QĐ-UBND 14/3/2022	135.106	124.200	100.000			468			99.532			
(3)	Đường ngang số 20 thị xã Cửa Lò đoạn từ đường dọc số III đến Đại lộ Vinh - Cửa Lò	2727	6500 08/12/2009; 1354/QĐ-UBND 12/5/2021	112.820	77.479	29.479			1.100			28.379			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
(4)	Đường trục ngang N3, khu đô thị Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	2744	5887, 30/10/2014; 5933, 31/10/2014; 1572 24/5/2021 3219/QĐ-UBND 01/9/2021	34.496	33.078	5.000			4.550		450				
(5)	Đường nối QL 1A - thị xã Thái Hòa - Nghĩa Đàn	2750	4782, 29/10/2008	854.700	258.230	25.000			14.745		10.255				
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			100.500	100.500	24.362			24.362						
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			100.500	100.500	24.362			24.362						
(1)	Đường gom đường sắt Bắc Nam đoạn thành phố Vinh - huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	2721	73/QĐ-HĐND 27/10/2015 CTĐT; 19/ NQ-HĐND 13/5/2021 ĐC CTĐT 5323/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	100.500	100.500	24.362			24.362						
V	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội (không bao gồm dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).			65.423	44.634	5.634			3.631		2.003				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			65.423	44.634	5.634			3.631		2.003				

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			65.423	44.634	5.634			3.631			2.003			
-	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025			65.423	44.634	5.634			3.631			2.003			
(1)	Trụ sở làm việc Thị ủy và các đoàn thể thị xã Hoàng Mai	2747	5941, 31/10/2014; 5950/QĐ-UBND -GT 31/10/2014; 1687/QĐ-UBND 01/06/2021	65.423	44.634	5.634			3.631			2.003			



Phụ lục II.B
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG)
(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Tỉnh Nghệ An

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung				Ghi chú								
								TMDT					Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:									
								Trong đó: vốn NSTW						Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		Đồ sùng kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn nước ngoài nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 từ nguồn điều chỉnh giữa các bộ, cơ quan trung ương, địa phương	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW									
								Vốn đối ứng	Quy định ra tiền Việt																Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW
									Tổng số	NSTW	NSDP	Tính bằng nguyên tệ															Tổng số	Đưa vào				
Tổng số	NSTW	NSDP	Tính bằng nguyên tệ	Tổng số	Đưa vào	Vay lại	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Điều chỉnh giảm	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW														
	Tổng số						6.880.111	2.093.564	960.485		4.786.547	4.139.341	594.993				14.015			589.298												
	Nghệ An						6.880.111	2.093.564	960.485		4.786.547	4.139.341	594.993				14.015			589.298												
a	Y tế, dân số và gia đình						153.758	20.075			133.683	115.746	17.937	75.768						36.879	112.647			112.647								
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						153.758	20.075			133.683	115.746	17.937	75.768						36.879	112.647			112.647								
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						153.758	20.075			133.683	115.746	17.937	75.768						36.879	112.647			112.647								
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025						153.758	20.075			133.683	115.746	17.937	75.768						36.879	112.647			112.647								
(1)	Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải, rác thải các bệnh viện tỉnh Nghệ An sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức	1767	Đức	30/11/2013		6331; 30/12/2015; 5367 25/12/2019; 1533/ QĐ-TTg 15/9/2021	52.881	8.885			43.996	43.996		32.718						8.179	40.897			40.897								
(2)	Dự án tăng cường hệ thống y tế huyện Tĩnh, tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2023	3172	Đức			4896 30/12/2020	100.877	11.190			89.687	71.750	17.937	43.050						28.700	71.750			71.750								
b	Tài nguyên						270.711	41.663	25.966		229.048	161.607	67.442	115.466	25.966					89.500	115.466	25.966		89.500								
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						270.711	41.663	25.966		229.048	161.607	67.442	115.466	25.966					89.500	115.466	25.966		89.500								
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						270.711	41.663	25.966		229.048	161.607	67.442	115.466	25.966					89.500	115.466	25.966		89.500								
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025						270.711	41.663	25.966		229.048	161.607	67.442	115.466	25.966					89.500	115.466	25.966		89.500								
(1)	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Nghệ An	2361	WB	26/12/2016		4896 30/12/2020; 2139- TTg 20/12/2021; 5254/ QĐ- UBND 31/12/2021; 457/ QĐ- UBND 25/02/2022	270.711	41.663	25.966		229.048	161.607	67.442	115.466	25.966					89.500	115.466	25.966		89.500								

ST T	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung				Ghi chú			
						TMDT						Trong đó:			Trong đó:											
						Trong đó: vốn NSTW						Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Tổng số	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Tổng số		Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		
								Tổng số	Trong đó	Tính bằng nguyên tệ	Tổng số														Trong đó:	Tổng số
		NSTW	NSDP			Đưa vào	Vay lại																			
(1)	Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An thuộc dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm thích ứng biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ	3204	AFD			3097 15/9/2020	826.949	167.416	90.367		659.533	532.881	126.652	159.864			159.864					366.851	526.715		526.715	
(2)	Phát triển đô thị loại vừa tại Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Vinh	447	WB	12/01/2012		4522 25/10/11; 5267 07/11/13; 563 17/2/14	3.180.778	1.142.378	443.061		2.038.400	2.038.400		198.021	198.021	198.021		7.883					190.138	190.138	198.138	



Tỉnh Hà Tĩnh

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	162.400
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	162.400



Tỉnh Hà Tĩnh

Phụ lục I.B

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	162.400
	Các hoạt động kinh tế	162.400
	<i>Trong đó</i>	
-	Công trình công cộng tại các đô thị	162.400



Phụ lục II.B
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CĂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG)
(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Tỉnh Hà Tĩnh

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết Hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú				
							TMDT							Tổng số	Trong đó:		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án				Tổng số	Trong đó:					
							Trong đó: vốn NSTW								Vốn đối ứng		Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW			Tổng số		Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	
							Tổng số	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt				Tổng số	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng				Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW
								NSTW	NSDP		Tổng số	Trong đó:															
	Tổng số						3.286.112	930.980	930.980		2.355.132	1.659.442	695.690							162.400	162.400		162.400				
	Hà Tĩnh						3.286.112	930.980	930.980		2.355.132	1.659.442	695.690							162.400	162.400		162.400				
	* Công trình công cộng tại các đô thị						3.286.112	930.980	930.980		2.355.132	1.659.442	695.690							162.400	162.400		162.400				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						3.286.112	930.980	930.980		2.355.132	1.659.442	695.690							162.400	162.400		162.400				
	- Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						3.286.112	930.980	930.980		2.355.132	1.659.442	695.690							162.400	162.400		162.400				
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025						3.286.112	930.980	930.980		2.355.132	1.659.442	695.690							162.400	162.400		162.400				
(1)	Hạ tầng ưu tiên và phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố Hà Tĩnh	38017	ADB			126/QĐ-TTg, 30/01/2024	3.286.112	930.980	930.980		2.355.132	1.659.442	695.690							162.400	162.400		162.400				



Tỉnh Quảng Trị

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	205.776
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	205.776



Tỉnh Quảng Trị

Phụ lục I.B

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	205.776
	Xã hội	205.776



Phụ lục II.A
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
	Tổng số			1.355.615	1.055.847				75.183	75.183					
	Quảng Trị			1.355.615	1.055.847				75.183	75.183					
I	Quốc phòng			49.847	37.451	2.448			2.448						
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			49.847	37.451	2.448			2.448						
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			49.847	37.451	2.448			2.448						
-	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025			49.847	37.451	2.448			2.448						
(1)	Rà phá bom mìn vật nổ phục vụ tái định cư huyện Triệu Phong và huyện Hải Lăng	12529	2258/QĐ-UBND 18/8/2017 75/NQ-HĐND 25/6/2021 1824/QĐ-UBND 14/7/2021	49.847	37.451	2.448			2.448						
II	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			117.420	57.935	20.000			200			19.800			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			117.420	57.935	20.000			200			19.800			
(1)	Dự án phát triển cơ sở hạ tầng các vùng nuôi thủy sản tập trung tỉnh Quảng Trị	11547	363/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 2111/QĐ-UBND, 5/9/2016; 1822/QĐ-UBND ngày 14/7/2021	117.420	57.935	20.000			200			19.800			
III	Khu công nghiệp và khu kinh tế			370.880	331.938	54.952			18.294			36.658			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			370.880	331.938	54.952			18.294		36.658				
(1)	Khu tái định cư xã Hải Khê và đường vào khu tái định cư (giai đoạn 1)	3001	2942/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 3347/QĐ-UBND ngày 25/11/2020; 1821/QĐ-UBND ngày 14/7/2021	298.890	267.538	46.326			17.745		28.581				
(2)	Khu tái định cư xã Hải An (giai đoạn 1)	13926	2943/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	71.990	64.400	8.626			549		8.077				
IV	Giao thông			482.468	293.523	60.149			4.241	75.183	131.091				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			482.468	293.523	60.149			4.241	75.183	131.091				
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			264.689	90.649					75.183	131.091				
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			264.689	90.649					75.183	131.091				
(1)	Tuyến đường kết nối cảng hàng không Quảng Trị với Quốc lộ 1	56564	156/NQ-HĐND ngày 09/12/2021; 73/NQ-HĐND ngày 24/10/2023	89.689	40.649					40.649	40.649				
(2)	Đường hai đầu cầu dây văng sông Hiếu – giai đoạn 1	56565	157/NQ-HĐND ngày 09/12/2021; 128/NQ-HĐND ngày 19/12/2023	175.000	50.000					34.534	34.534				

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
(3)	Đường liên xã Đakrông - Mô Ó - Triệu Nguyên - Ba Lòng, huyện Đakrông.	2989	1934/QĐ-UBND 15/8/2016; 835/QĐ-UBND ngày 09/4/2021; 81/NQ-HĐND ngày 25/6/2021	135.000	131.874	50.414			4.056		46.358				
(4)	Đường Ngô Quyền, Cầu quy Thiện và đoạn còn lại Đường Xuân - Quy - Vĩnh	2990	1902/QĐ-UBND 12/8/2016; 564/QĐ-UBND ngày 02/3/2020; 84/NQ-HĐND ngày 25/6/2021	82.779	71.000	9.735			185		9.550				
V	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội (không bao gồm dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).			335.000	335.000	200.000			50.000		150.000				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			335.000	335.000	200.000			50.000		150.000				
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			335.000	335.000	200.000			50.000		150.000				
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			335.000	335.000	200.000			50.000		150.000				
(1)	Trụ sở Tỉnh ủy Quảng Trị và các cơ quan, giai đoạn 1	37181	26/NQ-HĐND ngày 12/5/2021 127/NQ-HĐND ngày 19/12/2023	335.000	335.000	200.000			50.000		150.000				



Phụ lục II.B
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG)
(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Tỉnh Quảng Trị

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao				Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung				Ghi chú									
							TMDT						Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:												
							Trong đó: vốn NSTW							Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cán đối NSTW	Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn nước ngoài nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 từ nguồn điều chỉnh giữ các bộ, cơ quan trung ương, địa phương	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cán đối NSTW												
							Tổng số	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ	Tổng số	Trong đó:											Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm					
								NSTW	NSDP			Đưa vào																		Vay lại	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cán đối NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW
	Tổng số						4.407.898	875.754	261.000	592.389		3.532.144	3.208.038	424.106					177.952	277.952	205.776													
	Quảng Trị						4.407.898	875.754	261.000	592.389		3.532.144	3.208.038	424.106					177.952	277.952	205.776													
a	Môi trường						63.619	15.304	15.304		48.316	43.484	4.833	54.106					31.000			23.106			23.106									
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						63.619	15.304	15.304		48.316	43.484	4.833	54.106					31.000			23.106			23.106									
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						63.619	15.304	15.304		48.316	43.484	4.833	54.106					31.000			23.106			23.106									
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025						63.619	15.304	15.304		48.316	43.484	4.833	54.106					31.000			23.106			23.106									
(1)	Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Quảng Trị	2367	WB	23/12/2016	31/12/2021	4567/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	63.619	15.304	15.304		48.316	43.484	4.833	54.106					31.000			23.106			23.106									
	Năng nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						451.980	34.285	11.920		417.695	402.653	15.042	78.606					19.768			58.838			58.838									
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						451.980	34.285	11.920		417.695	402.653	15.042	78.606					19.768			58.838			58.838									
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						451.980	34.285	11.920		417.695	402.653	15.042	78.606					19.768			58.838			58.838									
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025						451.980	34.285	11.920		417.695	402.653	15.042	78.606					19.768			58.838			58.838									
(1)	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	2366	WB			1858/QĐ-TTg, 02/11/2015; 4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 9/11/2015	226.800	11.920	11.920		214.880	199.838	15.042	64.513					5.676			58.837			58.837									

ST T	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư							Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung				Ghi chú				
						TMDT							Tổng số	Trong đó:		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án				Tổng số	Trong đó:		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào các nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 từ nguồn điều chỉnh giữa các bộ, cơ quan trung ương, địa phương					
						Trong đó: vốn NSTW								Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào các nguồn NSTW	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào các nguồn NSTW			Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào các nguồn NSTW						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào các nguồn NSTW				Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Điều chỉnh giảm						Điều chỉnh tăng	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào các nguồn NSTW
							Tổng số	NSTW	NSDP	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt						Tổng số	Tổng số										
(2)	Dự án Phục hồi và Quản lý bền vững rừng phòng hộ (JICA2)	2968	JICA			319/QĐ-BNN-HTQT 22/02/2012; 1405/QĐ-UBND 08/8/2012 3728/QĐ-UBND ngày 29/12/2017	225.180	22.365			202.815	202.815	14.093			14.093			14.092			1			1			
c Công trình công cộng tại các đô thị							3.598.988	810.654	261.000	549.654		2.788.333	2.484.101	304.232					227.184	205.928								
Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C							3.598.988	810.654	261.000	549.654		2.788.333	2.484.101	304.232					227.184	205.928								
(1)	Dự án Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng tới tăng trưởng xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Đồng Hới	38008	AFD	29/12/2023		2469/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	1.152.921	192.230		192.230	960.690	684.730	275.960							205.928			205.928			205.928		
(2)	Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiêu vùng sông Mê Kông	400	ADB	17/01/2013	31/12/2023	3208/QĐ-UBND ngày 15/12/2022, 2841/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	2.446.067	618.424	261.000	357.424		1.827.643	1.799.371	28.272						227.184			492.245	65.500		426.745		
d Xã hội							293.311	15.511		15.511		277.800	277.800							72.024	205.776	277.800				277.800		
Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C							293.311	15.511		15.511		277.800	277.800							72.024	205.776	277.800				277.800		
(1)	Dự án Xây dựng trung tâm bảo trợ xã hội và phục hồi chức năng dành cho người khuyết tật tỉnh Quảng Trị,	38009	KOICA	13/04/2022		16/NQ-HĐND ngày 28/3/2023	293.311	15.511		15.511		277.800	277.800							72.024	205.776	277.800				277.800		



Phụ lục II.A
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	
	Tổng số			1.871.636	973.300	508.642	97.996		10.795	10.795		508.642	88.701		
	Thừa Thiên Huế			1.871.636	973.300	508.642	97.996		10.795	10.795		508.642	88.701		
I	Quốc phòng			123.000	22.000	10.000			1.500			8.500			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			123.000	22.000	10.000			1.500			8.500			
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			123.000	22.000	10.000			1.500			8.500			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020			123.000	22.000	10.000			1.500			8.500			
(1)	Đường từ xã Hồng Trung đến mốc 646, huyện A Lưới	3059	1290 ngày 01/07/2009 625 ngày 30/3/2017	123.000	22.000	10.000			1.500			8.500			
II	Giao thông			1.500.000	800.000	400.646				10.795		411.441			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			1.500.000	800.000	400.646				10.795		411.441			
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			1.500.000	800.000	400.646				10.795		411.441			
-	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025			1.500.000	800.000	400.646				10.795		411.441			
(1)	Đường Nguyễn Hoàng và cầu Vượt sông Hương	27814	170/NQ-HĐND ngày 23/12/2020; 60/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	1.500.000	800.000	400.646				10.795		411.441			
III	Xã hội			248.636	151.300	97.996	97.996		9.295			88.701	88.701		

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			248.636	151.300	97.996	97.996		9.295			88.701	88.701		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			248.636	151.300	97.996	97.996		9.295			88.701	88.701		
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020			248.636	151.300	97.996	97.996		9.295			88.701	88.701		
(1)	DA định cư và cải thiện cuộc sống dân vạn đò thành phố Huế(phần xây dựng cơ sở hạ tầng	31089	2786 ngày 13/8/2014	248.636	151.300	97.996	97.996		9.295			88.701	88.701		



Tỉnh Quảng Nam

Phụ lục II.A
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
	Tổng số			3.152.868	2.691.655				87.692	87.692					
	Quảng Nam			3.152.868	2.691.655				87.692	87.692					
I	Quốc phòng			221.839	216.839	103.944			5.769	7.692		105.867			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			221.839	216.839	103.944			5.769	7.692		105.867			
(1)	Đường biên giới nối từ xã Chợ Chun, huyện Nam Giang đến xã Ga Ri và xã Axan, huyện Tây Giang (giai đoạn 2)	5261	36-25/3/16	80.839	80.839	6.944			5.769			1.175			
(2)	Nâng cấp, mở rộng đường Trà Tập - Trà Cang - Trà Linh thuộc vùng ATK	26176	23-19/4/2021; 55-22/7/2021	141.000	136.000	97.000				7.692		104.692			
II	Y tế, dân số và gia đình			150.274	85.000	19.337			9.414			9.923			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			150.274	85.000	19.337			9.414			9.923			
(1)	Nâng cấp Bệnh viện Nhi thành Bệnh viện Sản - Nhi	5259	1167-30/3/16	150.274	85.000	19.337			9.414			9.923			
III	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			1.205.378	1.170.000	267.200			49.400	40.000		257.800			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			1.205.378	1.170.000	267.200			49.400	40.000		257.800			
(1)	Bảo vệ phát triển rừng tỉnh Quảng Nam đến năm 2020	3117	2887-6/9/12	635.000	635.000	39.000			25.330			13.670			
(2)	Tăng cường năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2016 - 2020	5255	826-07/03/16; 834/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	60.948	35.000	14.200			2.781			11.419			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
(3)	Hỗ trợ đầu tư xây dựng đường ô tô lâm nghiệp tỉnh Quảng Nam	5256	1133-30/3/16; 7795/UBND-KTN ngày 31/12/2020	84.481	80.000	44.000			21.020			22.980			
(4)	Kè chống sạt lở bờ sông Thu Bồn khu vực thôn Phú Đa, xã Duy Thu, huyện Duy Xuyên	25321	2373-28/8/20	24.949	20.000	10.000			269			9.731			
(5)	Chống xói lở khẩn cấp bờ biển Cửa Đại, thành phố Hội An	25324	2624-25/9/20	300.000	300.000	70.000				30.000		100.000			
(6)	Ổn định đời sống và sản xuất người dân vùng tái định cư thủy điện Sông Bung 4	25320	05-21/4/20	100.000	100.000	90.000				10.000		100.000			
IV	Khu công nghiệp và khu kinh tế			684.475	547.580	18.834			13.915			4.919			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			684.475	547.580	18.834			13.915			4.919			
(1)	Đường trục chính; TĐC khu công nghiệp Tam Quang	3127	152-29/10/14	684.475	547.580	18.834			13.915			4.919			
V	Giao thông			701.290	540.500	338.000			2.000	40.000		376.000			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			701.290	540.500	338.000			2.000	40.000		376.000			
(1)	Cầu Tân Bình và đường tránh Quốc lộ 14E qua nội thị thị trấn Tân Bình	35191	20-16/3/2021; 55-22/7/2021	280.000	252.000	171.000				22.000		193.000			
(2)	Cầu Bình Sa di Bình Hải (Cầu Tây Giang)	35193	20-16/3/2021; 55-22/7/2021	265.000	238.500	165.000				18.000		183.000			
(3)	Đường nối từ đường Điện Biên Phủ đến đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi	5243	423-28/01/16	156.290	50.000	2.000			2.000						
VI	Du lịch			119.467	110.467	6.500			6.500						

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			119.467	110.467	6.500			6.500						
(1)	Nâng cấp, mở rộng đường vào trung tâm du lịch phố cổ Hội An (tuyến ĐT608 đoạn từ Km4+714 - Km8+214)	12157	809-03/3/16	119.467	110.467	6.500			6.500						
VII	Công nghệ thông tin			70.145	21.269	11.596			695			10.900			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			70.145	21.269	11.596			695			10.900			
(1)	Xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Quảng Nam	10846	2985-19/8/19	70.145	21.269	11.596			695			10.900			



Tỉnh Quảng Ngãi

Phụ lục II.A
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
	Tổng số			1.322.504	1.037.047	331.000			106.000	106.000		331.000			
	Quảng Ngãi			1.322.504	1.037.047	331.000			106.000	106.000		331.000			
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			556.097	545.147	101.000			42.306			58.694			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			556.097	545.147	101.000			42.306			58.694			
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			556.097	545.147	101.000			42.306			58.694			
-	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025			556.097	545.147	101.000			42.306			58.694			
(1)	Vũng neo đậu tàu thuyền đảo Lý Sơn (giai đoạn II)	3161	1476/QĐ-UBND, 27/10/2010; 886/QĐ-UBND, 04/6/2015; 332/QĐ-UBND, 15/03/2019; 1441/QĐ-UBND, 02/10/2019; 2104/QĐ-UBND, 30/12/2020	401.097	400.147	26.000			26.000						
(2)	Các tuyến đê biển huyện đảo Lý Sơn (giai đoạn I)	12569	1616/QĐ-UBND, 30/10/2019	85.000	75.000	40.000			15.000			25.000			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
(3)	Kè chống sạt lở bờ biển thôn Kỳ Xuyên, xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi	34211	1673/QĐ-UBND ngày 04/11/2020	70.000	70.000	35.000			1.306			33.694			
II	Khu công nghiệp và khu kinh tế			386.407	235.900	80.000			63.694			16.306			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			386.407	235.900	80.000			63.694			16.306			
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			386.407	235.900	80.000			63.694			16.306			
-	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025			386.407	235.900	80.000			63.694			16.306			
(1)	Các tuyến đường trục vào KCN nặng Dung Quất phía Đông	3170	1967c/QĐ-UBND ngày 31/10/2015; 2105/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	239.531	115.000	40.000			40.000						
(2)	Tuyến đường trục liên cảng Dung Quất 1	10371	2671/QĐ-UBND, 19/12/2016; 846/QĐ-UBND, 14/6/2019; 118/QĐ-UBND, 20/01/2020; 2106/QĐ-UBND, 30/12/2020	146.876	120.900	40.000			23.694			16.306			
III	Giao thông			380.000	256.000	150.000						256.000			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			380.000	256.000	150.000						256.000			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			380.000	256.000	150.000						256.000			
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			380.000	256.000	150.000						256.000			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDDB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDDB
(1)	Kè chống sạt lở và tôn tạo cảnh quan bờ Nam sông Trà Khúc (Cầu Trà Khúc I - Bến Tam Thương)	36491	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 21/7/2023	380.000	256.000	150.000				106.000		256.000			



Tỉnh Khánh Hòa

Phụ lục II.A
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
	Tổng số			2.158.011	841.853	234.145			146.853	146.853		234.145			
	Khánh Hòa			2.158.011	841.853	234.145			146.853	146.853		234.145			
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			576.639	391.853	184.145			96.853	96.853		184.145			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			576.639	391.853	184.145			96.853	96.853		184.145			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			119.800	96.853					96.853		96.853			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			119.800	96.853					96.853		96.853			
(1)	Kè bảo vệ hai bên sông Bà Bường (đoạn từ Quốc lộ 1A đến đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Vạn Giã)	38215	04/NQ-HĐND ngày 14/02/2023	119.800	96.853					96.853		96.853			
(2)	Kè bờ biển thị trấn Vạn Giã (giai đoạn 1)	5305	3118/QĐ-UBND 30/10/2015; 1055/QĐ-CTUBND 11/5/2020	128.094	66.000	6.700			5.811			889			
(3)	Kè và đường ven đê Thủy Triều (Đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Yersin), huyện Cam Lâm	24642	1914/QĐ-UBND 31/7/2020	160.000	90.000	88.445			85.042			3.403			
(4)	Kè chắn sóng bờ biển bảo vệ Khu dân cư Phú Hội 2, xã Vạn Thắng, huyện Vạn Ninh	24646	1605/QĐ-UBND 03/7/2020	80.745	60.000	40.000			2.000			38.000			

STT	Dan mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
(5)	Kè bờ biển phường Ninh Hải, thị xã Ninh Hoà	28731	1934/QĐ-UBND 31/7/2020; 2956/QĐ-UBND 21/9/2021	88.000	79.000	49.000			4.000			45.000			
II	Giao thông			1.581.372	450.000	50.000			50.000	50.000		50.000			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			1.581.372	450.000	50.000			50.000	50.000		50.000			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			1.496.435	400.000					50.000		50.000			
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			1.496.435	400.000					50.000		50.000			
(1)	Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh	38214	06/NQ-HĐND ngày 30/3/2023	1.496.435	400.000					50.000		50.000			
(2)	Đường Lê Duẩn, thị trấn Cam Đức	29044	09/NQ-HĐND ngày 07/4/2021; 1009/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	84.937	50.000	50.000			50.000						



Tỉnh Ninh Thuận

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	62.100
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	62.100



Tỉnh Ninh Thuận

Phụ lục I.B

**BỘ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	62.100
	Bảo vệ môi trường	62.100



Phụ lục II.A
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
	Tổng số			3.798.679	3.233.843				740.550	740.550					
	Ninh Thuận			3.798.679	3.233.843				740.550	740.550					
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			913.293	913.293	808.877			740.550			68.327			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			913.293	913.293	808.877			740.550			68.327			
(1)	Xây dựng Kênh chuyển nước Tân Giang - Sông Biều	28221	32/NQ-HĐND ngày 17/7/2020	517.446	517.446	510.000			510.000						
(2)	Hệ thống kênh tưới của Hồ chứa nước sông Than	28226	96/NQ-HĐND 10/12/2020	395.847	395.847	298.877			230.550			68.327			
II	Giao thông			2.885.386	2.320.550	1.580.000				740.550		2.320.550			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			2.885.386	2.320.550	1.580.000				740.550		2.320.550			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			903.000	610.000					610.000		610.000			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			903.000	610.000					610.000		610.000			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
(1)	Đường giao thông nối cao tốc Bắc - Nam với Quốc lộ 1 và Cảng tổng hợp Cánh Nà	56440	84/NQ-HĐND 31/8/2021 132/QĐ-UBND 31/01/2022 16/NQ-HĐND 23/5/2022 826/QĐ-UBND 05/7/2022 843/QĐ-UBND 07/7/2022 32/NQ-HĐND 25/7/2023 1217 19/9/2023	903.000	610.000					610.000		610.000			
b	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			1.982.386	1.710.550	1.580.000				130.550		1.710.550			
-	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025			1.982.386	1.710.550	1.580.000				130.550		1.710.550			
(1)	Đường nối từ thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đi ngã tư Tà Năng, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	33604	2373/QĐ-UBND 22/12/2021 11/NQ-HĐND 25/3/2022 10/NQ-HĐND 15/02/2024	1.494.746	1.230.550	1.210.000				20.550		1.230.550			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XD/CB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XD/CB
(2)	Đường vành đai phía Bắc (đoạn từ đèo Khánh Nhơn đi Quốc lộ 1A)	28222	1062/QĐ-UBND 14/6/2021 2374/QĐ-UBND 22/12/2021 09/NQ-HĐND 25/3/2022	487.640	480.000	370.000				110.000		480.000			



Phụ lục II.B
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CĂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG)
(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Tỉnh Ninh Thuận

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao					Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025					Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung					Ghi chú					
								TMĐT										Trong đó:					Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án						Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn nước ngoài nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 từ nguồn điều chỉnh giữa các bộ, cơ quan trung ương, địa phương				
								Trong đó: vốn NSTW										Vốn đối ứng					Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW						Vốn đối ứng nguồn NSTW				
								Vốn đối ứng					Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					Vốn đối ứng					Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW						Vốn đối ứng nguồn NSTW				
								Tổng số		Trong đó			Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt				Tổng số		Trong đó:			Điều chỉnh tăng		Trong đó:				Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng		
		NSTW		NSDP	Đưa vào		Vay lại				Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Điều chỉnh giảm	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW												
	Tổng số						441.256	84.756			230.000	207.000	23.000							62.100	62.100			62.100									
	Ninh Thuận						441.256	84.756			230.000	207.000	23.000							62.100	62.100			62.100									
a	Bảo vệ môi trường						441.256	84.756			230.000	207.000	23.000							62.100	62.100			62.100									
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						441.256	84.756			230.000	207.000	23.000							62.100	62.100			62.100									
-	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư						441.256	84.756			230.000	207.000	23.000							62.100	62.100			62.100									
(1)	Giảm thiểu khí thải tại khu vực Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung bộ Việt Nam nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu Chương trình hành động quốc gia REDD+ tỉnh Ninh Thuận	38015	IFAD			58/NQ-HBND 14/12/2023	441.256	84.756			230.000	207.000	23.000							62.100	62.100			62.100									



Phụ lục II.A
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
	Tổng số			2.615.232	2.211.000	599.891			345.000	345.000		599.891			
	Bình Thuận			2.615.232	2.211.000	599.891			345.000	345.000		599.891			
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			1.455.000	1.455.000	394.891			345.000			49.891			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			1.455.000	1.455.000	394.891			345.000			49.891			
a	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư			1.455.000	1.455.000	394.891			345.000			49.891			
(1)	Hệ thống kênh tiếp nước liên huyện phía Nam tỉnh Bình Thuận	31509	16/NQ-HĐND ngày 17/7/2021	1.455.000	1.455.000	394.891			345.000			49.891			
II	Giao thông			1.160.232	756.000	205.000				345.000		550.000			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			1.160.232	756.000	205.000				345.000		550.000			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			1.160.232	756.000	205.000				345.000		550.000			
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			477.972	408.000	105.000				245.000		350.000			
(1)	Đường từ trung tâm huyện Hàm Thuận Bắc đi Quốc lộ 1A	31608	325/QĐ-UBND ngày 07/02/2024	264.998	200.000	5.000				195.000		200.000			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			682.260	348.000	100.000				100.000		200.000			
(1)	Đường từ thị trấn Tân Minh đi Sơn Mỹ, huyện Hàm Tân	36686	2550/QĐ-UBND ngày 07/12/2023	682.260	348.000	100.000				100.000		200.000			
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			477.972	408.000	105.000				245.000		350.000			
(1)	Đường tránh ĐT.719 và cầu qua sông Dinh, thị xã La Gi	36690	28/NQ-HĐND ngày 11/5/2021	212.974	208.000	100.000				50.000		150.000			



Phụ lục II.A
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú				
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTW	Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB	Tổng số			Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB
	Tổng số			383.474	343.984	173.077			7.496	7.496		173.077				
	Kon Tum			383.474	343.984	173.077			7.496	7.496		173.077				
I	Công nghiệp			111.765	95.000	20.000			517			19.483				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			111.765	95.000	20.000			517			19.483				
(1)	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Kon Tum giai đoạn 2014 - 2020	937	1072-21/10/2014; 1128-30/10/2018	111.765	95.000	20.000			517			19.483				
II	Cấp nước, thoát nước			99.984	99.984	43.300			6.979			36.321				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			99.984	99.984	43.300			6.979			36.321				
(1)	Cấp nước sinh hoạt Trung tâm huyện Ia H'Drai	919	476-14/7/2015 279-30/3/2016	99.984	99.984	43.300			6.979			36.321				
III	Giao thông			171.725	149.000	109.777				7.496		117.273				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			171.725	149.000	109.777				7.496		117.273				
(1)	Đường từ Quốc lộ 40B huyện Tu Mơ Rông đi thôn 8 xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà (Đoạn qua địa phận huyện Đăk Hà)	27658	NQ 33-29/4/2021	171.725	149.000	109.777				7.496		117.273				



Thành phố Hồ Chí Minh

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	1.503.314
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.503.314



Thành phố Hồ Chí Minh

Phụ lục I.B

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	1.503.314
2	Các hoạt động kinh tế	1.503.314
	<i>Trong đó</i>	
-	<i>Giao thông</i>	<i>1.503.314</i>



Thành phố Hồ Chí Minh

Phụ lục II.B
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025
CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG)
(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư										Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao					Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025					Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung					Ghi chú					
						TMDT										Trong đó:					Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chỉ tiết cho các nhiệm vụ, dự án					Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn nước ngoài nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 từ nguồn điều chỉnh giữa các bộ, cơ quan trung ương, địa phương										
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)										Vốn đối ứng					Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cán đối NSTW					Vốn đối ứng nguồn NSTW						Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cán đối NSTW				
						Tổng số		Trong đó		Tinh bằng nguyên lý	Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cán đối NSTW	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cán đối NSTW										
						NSTW	NSDP	Tổng số	Đưa vào		Vay lại	Tổng số		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Tổng số					Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW																
	Tổng số					43.757.149	5.491.600				38.265.549	14.333.666	23.931.883	2.484.293							1.503.314	3.987.607			3.987.607											
	Thành phố Hồ Chí Minh					43.757.149	5.491.600				38.265.549	14.333.666	23.931.883	2.484.293							1.503.314	3.987.607			3.987.607											
	Giao thông					43.757.149	5.491.600				38.265.549	14.333.666	23.931.883	2.484.293							1.503.314	3.987.607			3.987.607											
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C					43.757.149	5.491.600				38.265.549	14.333.666	23.931.883	2.484.293							1.503.314	3.987.607			3.987.607											
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025					43.757.149	5.491.600				38.265.549	14.333.666	23.931.883	2.484.293							1.503.314	3.987.607			3.987.607											
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025					43.757.149	5.491.600				38.265.549	14.333.666	23.931.883	2.484.293							1.503.314	3.987.607			3.987.607											
(1)	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt đô thị số 1 thành phố Hồ Chí Minh, tuyến Bến Thành - Suối Tiên	717	JICA			2721/QĐ-UBND ngày 26/8/2008 4480/QĐ-UBND ngày 21/9/2011; 299/QĐ-UBND ngày 27/01/2015; 4856/QĐ-UBND ngày 13/11/2019; 2193/QĐ-UBND ngày 16/8/2021	43.757.149	5.491.600				38.265.549	14.333.666	23.931.883	2.484.293							1.503.314	3.987.607			3.987.607										



Tỉnh Tiền Giang

PHỤ LỤC II.B
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG)
(Kèm theo Quyết định số 831/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025					Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú					
							TMĐT						Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:						
							Trong đó: vốn NSTW							Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW						
							Tổng số	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt							Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			
								Tổng số	NSTW		NSĐP									Tổng số			Trung đó:	Tổng số	Trong đó:	Tổng số
						Đưa vào	Vay lại			Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW							
	Tổng số						392.729	87.238	87.677	232.373	223.423	8.950	105.100				3.758	3.758	105.100		105.100					
	Tiền Giang						392.729	87.238	87.677	232.373	223.423	8.950	105.100				3.758	3.758	105.100		105.100					
a	Môi trường						38.302	8.029	8.468	29.835	20.885	8.950	9.705					3.758	13.463		13.463					
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						38.302	8.029	8.468	29.835	20.885	8.950	9.705					3.758	13.463		13.463					
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						38.302	8.029	8.468	29.835	20.885	8.950	9.705					3.758	13.463		13.463					
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025						38.302	8.029	8.468	29.835	20.885	8.950	9.705					3.758	13.463		13.463					
(1)	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	2378	WB	26/12/2016	31/12/2023	1236/QĐ-BTNMT/30/5/2016; 930/QĐ-TTg/30/5/2016; 2838/QĐUBND/09/9/2019	38.302	8.029	8.468	29.835	20.885	8.950	9.705					3.758	13.463		13.463					
b	Nông nghiệp, lâm nghiệp, di sản văn hóa, thủy lợi và thủy sản						354.427	79.209	79.209	202.538	202.538		95.395					3.758	91.637		91.637					
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						354.427	79.209	79.209	202.538	202.538		95.395					3.758	91.637		91.637					
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						354.427	79.209	79.209	202.538	202.538		95.395					3.758	91.637		91.637					
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025						354.427	79.209	79.209	202.538	202.538		95.395					3.758	91.637		91.637					
(1)	Dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững (Vnasat)	2996	WB			681/QĐ-UBND ngày 24/3/2021	354.427	79.209	79.209	202.538	202.538		95.395					3.758	91.637		91.637					



Phụ lục II.A
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Tổng số		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW
	Tổng số			950.000	885.000	810.000			25.000	25.000		810.000			
	Bến Tre			950.000	885.000	810.000			25.000	25.000		810.000			
I	Môi trường			70.000	25.000	20.000				5.000		25.000			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			70.000	25.000	20.000				5.000		25.000			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			70.000	25.000	20.000				5.000		25.000			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			70.000	25.000	20.000				5.000		25.000			
(1)	Dự án Tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí, quan trắc tự động, quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên	36293	1750/QĐ-UBND ngày 23/7/2021; 3151/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; 2850/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	70.000	25.000	20.000				5.000		25.000			
II	Giao thông			640.000	620.000	600.000				20.000		620.000			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			640.000	620.000	600.000				20.000		620.000			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			640.000	620.000	600.000				20.000		620.000			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			640.000	620.000	600.000				20.000		620.000			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
(1)	Đầu tư xây dựng Đường từ cảng Giao Long đến Khu công nghiệp Phú Thuận (ĐT.DK.07) liên huyện Châu Thành - Bình Đại	35783	1654/QĐ-UBND ngày 15/07/2020; 1813a/QĐ-UBND ngày 29/7/2021; 3151/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; 1559/QĐ-UBND ngày 15/7/2022; 3099/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	640.000	620.000	600.000				20.000		620.000			
III	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội (không bao gồm dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).			240.000	240.000	190.000			25.000			165.000			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			240.000	240.000	190.000			25.000			165.000			
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			240.000	240.000	190.000			25.000			165.000			
-	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025			240.000	240.000	190.000			25.000			165.000			
(1)	Trung tâm chính trị hành chính huyện Mô Cày Nam	24727	530/HĐND-TH ngày 11/9/2018; 53/NQ-HĐND ngày 08/12/2022	240.000	240.000	190.000			25.000			165.000			



Phụ lục II.A
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	
	Tổng số			224.000	198.300	151.500			1.800	1.800		151.500			
	Trà Vinh			224.000	198.300	151.500			1.800	1.800		151.500			
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			102.000	100.000	55.000			1.800			53.200			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			102.000	100.000	55.000			1.800			53.200			
(1)	Khu vực sông Láng Thè, xã Đại Phước, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh	24619	2779/QĐ-UBND, 22/7/2020	60.000	60.000	45.000			1.000			44.000			
(2)	Xây dựng kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh thuộc tuyến đê Long Hữu - Hiệp Thạnh	24622	2861/QĐ-UBND, 30/7/2020	42.000	40.000	10.000			800			9.200			
II	Giao thông			122.000	98.300	96.500					1.800		98.300		
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			122.000	98.300	96.500					1.800		98.300		
(1)	Xây dựng Đường huyện 13 kéo dài từ giáp Đường huyện 09, xã Tập Ngãi đến giáp tuyến tránh Quốc lộ 60, xã Phú Cấn, huyện Tiểu Cần	26005	3762/QĐ-UBND 25/11/2020; 1373/QĐ-UBND, 27/7/2022; 328/QĐ-UBND, 12/3/2024	122.000	98.300	96.500					1.800		98.300		



Tỉnh Vĩnh Long

Phụ lục II.A
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số		Trong đó	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW			Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB
	Tổng số		2.947.408	2.079.164	1.463.958	21.817		451.183	451.183		1.463.958	21.817			
	Vĩnh Long		2.947.408	2.079.164	1.463.958	21.817		451.183	451.183		1.463.958	21.817			
I	Văn hóa		293.845	215.000	185.000				20.000		205.000				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C		293.845	215.000	185.000				20.000		205.000				
(1)	Trung tâm Hội nghị tỉnh Vĩnh Long	24697	1813/QĐ-UBND ngày 09/7/2019; 918A/QĐ-UBND ngày 13/4/2020; 1270/QĐ-UBND ngày 28/5/2021; 1855/QĐ-UBND ngày 14/7/2021; 707/QĐ-UBND ngày 08/4/2022; 2562/QĐ-UBND ngày 06/12/2022; 3017/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	293.845	215.000	185.000				20.000		205.000			
II	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			1.644.107	1.283.641	805.958				431.183		1.237.141			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			1.644.107	1.283.641	805.958				431.183		1.237.141			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
(1)	Kè chống sạt lở bờ sông Kênh Chà Và, khu vực phường Đông Thuận, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long	25274	1472/QĐ-UBND ngày 15/6/2021; 2483/QĐ-UBND ngày 18/9/2020; 699/QĐ-UBND ngày 08/4/2022; 2702/QĐ-UBND ngày 23/12/2022	215.458	187.000	80.000				62.000		142.000			
(2)	Kè chống sạt lở bờ sông Tiền (đoạn từ sông Cái Đồi đến bến phà Mỹ Thuận cũ), phường Tân Hòa, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	31078	1473/QĐ-UBND ngày 15/6/2021; 1495/QĐ-UBND ngày 15/06/2020; 2650/QĐ-UBND ngày 04/10/2021; 702/QĐ-UBND ngày 08/4/2022	292.001	220.000	120.000				100.000		220.000			
(3)	Hệ thống thủy lợi Cồn Lục Sỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (giai đoạn 2)	33773	1425/QĐ-UBND ngày 10/5/2021; 1943/QĐ-UBND ngày 31/7/2020; 704/QĐ-UBND ngày 08/4/2022; 2700/QĐ-UBND ngày 23/12/2022	309.730	256.993	150.000				106.993		256.993			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số		Trong đó	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW			Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB
(4)	Nâng cấp hệ thống thủy lợi Mỹ Lộc - Mỹ Thanh Trung - Long Phú - Song Phú, huyện Tam Bình	33775	1751/QĐ-UBND ngày 15/7/2020; 1430/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; 149/QĐ-UBND ngày 11/01/2022; 46/QĐ-UBND ngày 11/01/2022; 705/QĐ-UBND ngày 08/4/2022	294.752	170.148	100.000				70.148		170.148			
(5)	Hệ thống thủy lợi Thanh Đức - Long Mỹ, huyện Long Hồ và huyện Mang Thít	33998	1428/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; 1752/QĐ-UBND ngày 15/7/2020; 706/QĐ-UBND ngày 08/4/2022; 2703/QĐ-UBND ngày 23/12/2022	275.395	248.000	235.958				12.042		248.000			
(6)	Kè chống sạt lở bờ sông Cổ Chiên (đoạn từ đầu cù lao An Bình đến phà An Bình), xã An bình, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long	34855	1495/QĐ-UBND ngày 15/6/2021; 2902/QĐ-UBND ngày 29/10/2020; 2035/QĐ-UBND ngày 30/7/2021; 701/QĐ-UBND ngày 08/4/2022	256.771	201.500	120.000				80.000		200.000			
III	Giao thông			1.009.456	580.523	473.000	21.817		451.183		21.817	21.817			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			1.009.456	580.523	473.000	21.817		451.183		21.817	21.817			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán, nợ XDCB	
(1)	Đường tỉnh 907	2103	1265/QĐ-TTg ngày 30/12/2002; 418/QĐ-UBND ngày 14/3/2008; 939/QĐ-UBND ngày 26/4/2021; 693/QĐ-UBND ngày 08/4/2022	1.009.456	580.523	473.000	21.817		451.183			21.817	21.817		



Tỉnh Hậu Giang

Phụ lục I.A

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	301.790
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	301.790



Tỉnh Hậu Giang

Phụ lục I.B

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	301.790
1	Các hoạt động kinh tế	301.790
	<i>Trong đó</i>	
-	Công trình công cộng tại các đô thị	301.790



Phụ lục II.B
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
CHỖ CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG)
(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Tỉnh Hậu Giang

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú		
								TMDT			Trong đó: vốn NSTW			Tổng số	Trong đó:		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án		Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn nước ngoài nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 từ nguồn điều chỉnh giữ các bộ, cơ quan trung ương, địa phương	Tổng số	Trong đó:				
								Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW				Vốn đối ứng nguồn NSTW			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	
								Tổng số	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ				Quy đổi ra tiền Việt		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			
									NSTW	NSDP					Tổng số	Trong đó:		Tổng số							Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW
								Đưa vào	Vay lại																
	Tổng số						1.211.372	389.976	389.976	821.396	431.134	390.262							301.790	301.790			301.790		
	Hậu Giang						1.211.372	389.976	389.976	821.396	431.134	390.262							301.790	301.790			301.790		
a	Công trình công cộng tại các đô thị						1.211.372	389.976	389.976	821.396	431.134	390.262							301.790	301.790			301.790		
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						1.211.372	389.976	389.976	821.396	431.134	390.262							301.790	301.790			301.790		
-	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						1.211.372	389.976	389.976	821.396	431.134	390.262							301.790	301.790			301.790		
	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025						1.211.372	389.976	389.976	821.396	431.134	390.262							301.790	301.790			301.790		
(1)	Dự án Phát triển đô thị xanh thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	38016	AFD			1933/QĐ-UBND, 09/11/2023	1.211.372	389.976	389.976	821.396	431.134	390.262							301.790	301.790			301.790		



Phụ lục II.A
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
	Tổng số			310.184	279.165	279.165			58.500	58.500		279.165			
	Sóc Trăng			310.184	279.165	279.165			58.500	58.500		279.165			
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			85.000	76.500	135.000			58.500			76.500			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			85.000	76.500	135.000			58.500			76.500			
(1)	Nạo vét HTTL kênh trực tạo nguồn, trữ ngọt kết hợp phòng chống ngập úng, hạn mặn thích ứng biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	32700	66/NQ-HĐND, 13/7/2021 16/NQ-HĐND, 28/02/2022 40/NQ-HĐND, 29/06/2022; 2970/QĐ-UBND, 04/11/2022	85.000	76.500	135.000			58.500			76.500			
II	Giao thông			225.184	202.665	144.165				58.500		202.665			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			225.184	202.665	144.165				58.500		202.665			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai vốn NSTW đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	
(1)	Xây dựng mới 04 cầu: Lắc Bưng, So Đũa, Khánh Hòa, An Nô trên đường tỉnh 935	37271	52/NQ-HĐND, 13/7/2021; 3058/QĐ-UBND, 03/11/2021 16/NQ-HĐND, 28/02/2022; 738/QĐ-UBND, 17/3/2022	225.184	202.665	144.165				58.500		202.665			



Phụ lục II.A
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
	Tổng số			1.614.525	1.614.525	541.659				113.000		654.659			
	An Giang			1.614.525	1.614.525	541.659				113.000		654.659			
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			119.525	119.525	50.000				48.415		98.415			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			119.525	119.525	50.000				48.415		98.415			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			119.525	119.525	50.000				48.415		98.415			
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			119.525	119.525	50.000				48.415		98.415			
(1)	Bổ trí ổn định dân cư di dân tự do, thiên tai khu vực ấp Thạnh Phú, Xã Khánh An	25848	01/NQ-HĐND ngày 05/5/2020	119.525	119.525	50.000				48.415		98.415			
II	Giao thông			1.495.000	1.495.000	491.659				64.585		556.244			
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			1.495.000	1.495.000	491.659				64.585		556.244			
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			1.495.000	1.495.000	491.659				64.585		556.244			
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025			1.495.000	1.495.000	491.659				64.585		556.244			
(1)	Đường tỉnh 947	36275	25/NQ-HĐND 22/07/2021; 04/NQ-HĐND 14/4/2022	1.495.000	1.495.000	491.659				64.585		556.244			



Phụ lục II.B
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CẢN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG)
(Kèm theo Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú					
							TMDT				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn nước ngoài nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 từ nguồn điều chỉnh giữa các bộ, cơ quan trung ương, địa phương	Tổng số	Trong đó:							
							Trong đó: vốn NSTW					Vốn đối ứng							Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW
							Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Vốn đối ứng nguồn NSTW							Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW			Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		
							Tổng số	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ		Tổng số	Quy đổi ra tiền Việt						Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm			
NSTW	NSDP	Đưa vào	Vay lại	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Tổng số		Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW																		
	Tổng số						775.378	291.990	185.784	106.206	483.388	373.016	110.372	673.662	185.784	487.878	113.000			560.662	72.784	487.878				
	An Giang						775.378	291.990	185.784	106.206	483.388	373.016	110.372	673.662	185.784	487.878	113.000			560.662	72.784	487.878				
	a Cấp nước, thoát nước						775.378	291.990	185.784	106.206	483.388	373.016	110.372	673.662	185.784	487.878	113.000			560.662	72.784	487.878				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						775.378	291.990	185.784	106.206	483.388	373.016	110.372	673.662	185.784	487.878	113.000			560.662	72.784	487.878				
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						775.378	291.990	185.784	106.206	483.388	373.016	110.372	673.662	185.784	487.878	113.000			560.662	72.784	487.878				
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025						775.378	291.990	185.784	106.206	483.388	373.016	110.372	673.662	185.784	487.878	113.000			560.662	72.784	487.878				
(1)	Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Long Xuyên	2613	WB	29/06/2018	28/06/2024	363/QĐ-TTg, 23/3/2017; 952/QĐ-UBND 28/3/2017; 2251/QĐ-UBND ngày 14/09/2018	775.378	291.990	185.784	106.206	483.388	373.016	110.372	673.662	185.784	487.878	113.000			560.662	72.784	487.878				